

Chỉ đạo nội dung:

Thượng tá, Thạc sỹ Mạc Thùy Dương

Biên tập:

Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:

Đại úy QNCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:

Thiếu úy, Kỹ sư Nguyễn Văn Nam

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về, Thư viện Quân đội biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 1 - 2022.

Thư mục gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.
- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com

Website: Thuvienquandoi.vn

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *Báo Nhân Dân - 70 năm đồng hành cùng đất nước (1951 - 2021)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 168tr.; 21cm.

**079.597 B108N/LC.0015974; VN.0082525 -
VN.0082526**

002. *Kỷ yếu Tọa đàm Kỷ niệm 50 năm học tập và làm theo lời Bác Hồ dạy "Mong bạn đọc góp ý kiến, phê bình" (1968 - 2018)*. Bản thảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 396tr.; 222cm.

070.509597 K600Y/VN.0081755

003. *Tâm của phản biện*: Chuyên luận và phản biện/ *Phan Tùng Sơn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 197tr.; 21cm.

**070.4493 T120C/LC.0015936 - LC.0015937;
M.0178489 - M.0178490; MP.0038227; VN.0082588 -
VN.0082589**

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

150 – Tâm lý học

004. *Chạm*: Sách tâm lý học ứng dụng/ *Werner Bartens; Thu Hương dịch*. - H.: Thanh niên, 2020. - 243tr.; 21cm.

**152.182 Ch104/M.0178339 - M.0178340;
MP.0038105 - MP.0038106**

005. *Hướng dẫn học tập môn Tâm lý học quân sự*: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự/ *Đặng Đăng Quốc Thành* chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 193tr.; 27cm.

150.711 H561D/LCV.0002421; M.0178014 - M.0178015; MP.0037846

006. *Ngưng sống như thể mộng du*/ Rob Walker; *Annjing dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 237tr.; 20cm.

153.73 Ng556S/M.0178138 - M.0178139; MP.0037932 - MP.0037933

007. *Tạm biệt quý cô hoàn hảo: Đừng sợ, dám sai và dũng cảm lên*/ *Reshma Saujani*; *Nguyễn Thành Long dịch*. - H.: Thanh niên, 2020. - 222tr.; 21cm.

155.333 T104B/M.0178351 - M.0178352; MP.0038117 - MP.0038118

008. *Tâm lý học nói gì về hạnh phúc?*/ *Peter War*; *Jen dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 183tr.; 21cm.. - (Bộ sách nhỏ về tâm lý)

152.42 T120L/M.0178341 - M.0178342; MP.0038107 - MP.0038108

009. *Tư duy sâu*/ *Diệp Tu*; *Nguyễn Thanh Hương dịch*. - H.: Thanh niên, 2021. - 295tr.; 21cm.

153.42 T550D/M.0178124 - M.0178125; MP.0037918 - MP.0037919

010. Ai sẽ đến dự tang lễ của tôi ?/ Sanghyun Kim; Minh Thùy dịch. - H.: Thanh niên, 2021. - 173tr.; 19cm.

**158.1 A103S/M.0178146 - M.0178147;
MP.0037940 - MP.0037941**

011. Bí mật của thanh thời: Trưởng thành từ những khó khăn. - H.: Thanh niên, 2021. - 185p.; 21cm.

**158 B300M/M.0177629 - M.0177630;
MP.0037530 - MP.0037531**

012. Bình tĩnh sống/ Patrizia Collard; Thu An dịch. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 134tr.; 18cm.

**158.12 B312T/M.0178393 - M.0178394;
MP.0038159 - MP.0038160**

013. Hãy nói về hạnh phúc, đừng nói về thành công/ Kishimi Ichiro; Vũ Thu Hằng dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 1910tr.; 18cm.

**158 H112N/M.0178200 - M.0178201;
MP.0037994 - MP.0037995**

014. Học làm người lớn/ Quỳnh in Seoul. - H.: Thế giới, 2020. - 143tr.; 19cm.

**158.1 H419L/M.0178194 - M.0178195;
MP.0037988 - MP.0037989**

015. Mình đang sống cuộc đời của ai?/ Phạm Minh Mẫn. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 215tr.; 19cm.

**158.1 M312Đ/M.0177575 - M.0177576;
MP.0037478 - MP.0037479**

016. *Ngoài vùng sợ hãi có gì vui?*/ Koichi Honda; Nguyễn Cường dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 194tr.; 20cm.

**158.1 Ng404V/M.0178361 - M.0178362;
MP.0038127 - MP.0038128**

017. *Những gì bạn biết về mình đều sai*/ Don Miguel Ruiz, Barbara Emrys; Dạ Ly dịch. - H.: Hà Nội, 2019. - 236tr.; 20cm.

**158 Nh556G/M.0178144 - M.0178145;
MP.0037938 - MP.0037939**

018. *Sống chậm*: 25 chỉ dẫn tìm mình trong yên ả, sống một đời thông dong/ Melanie Barnes; Trịnh Nam Trân dịch. - H.: Thế giới, 2021. - 157tr.; 21cm.

**158.1 S455C/M.0178349 - M.0178350;
MP.0038115 - MP.0038116**

180 – Triết học cổ đại, trung cổ, phương Đông

019. *Hàn Phi Tử mưu lược tung hoành*/ Ngô Khung; Ng. dịch: Thành Khang, Phạm Vân. - Thanh Hóa: Thanh Hóa, 2016. - 383tr.; 21cm.

**181.11 H105P/M.0178303; VN.0082503 -
VN.0082504**

020. *Không Tử mưu lược tung hoành*/ Chu Chính Thư, Uông

Ngạn; Ng. dịch: Thành Khang, Kim Thoa. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 295tr.; 21cm.

**181.11 Kh455T/M.0178308; VN.0082513 -
VN.0082514**

021. *Lão Tử mưu lược tung hoành/ Tô Hồng; Ng. dịch: Thành Khang, Thủy Tiên. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 255tr.; 21cm.*

**181.11 L108T/M.0178311; VN.0082519 -
VN.0082520**

022. *Mạnh Tử mưu lược tung hoành/ Đường Chí Long; Ng. dịch: Thành Khang, Phạm Vân. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 391tr.; 21cm.*

**181.11 M107T/M.0178309; VN.0082515 -
VN.0082516**

023. *Mặc Tử mưu lược tung hoành/ Dương Nhất Dân; Ng. dịch: Thành Khang, Tiến Thành. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 302tr.; 21cm.*

**181.11 M113T/M.0178310; VN.0082517 -
VN.0082518**

024. *Nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học. - H.: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2016. - 444tr.; 30cm*

181.112 Ngh305C/T.0024499

025. *Quản Tử mưu lược tung hoành/ Chu Thiệu Hoa; Ng. dịch: Thành Khang, Nguyễn Quyên. - Thanh Hóa: NXb. Thanh Hóa, 2016. - 343tr.; 21cm.*

**181.11 Qu105T/M.0178305; VN.0082507 -
VN.0082508**

026. *Trang Tử mưu lược tung hoành/ Chu Chính Thư, Tôn Gia Tuấn; Ng. dịch: Thành Khang, Thủy Tiên. - Tái bản lần 1. -*
Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 255tr.; 21cm.

**181.11 Tr106T/M.0178312; VN.0082521 -
VN.0082522**

027. *Tuân Tử mưu lược tung hoành/ Thẩm Vĩnh Hoàng, Tô Tịnh; Ng. dịch: Thành Khang, Tiến Thành. -*
Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 318tr.; 21cm.

**181.11 T502T/M.0178304; VN.0082505 -
VN.0082506**

028. *Yến Tử mưu lược tung hoành: Nghệ thuật đàm phán/ Quá Diệc Lâm; Ng. dịch: Thành Khang, Tiến Thành. - Tái bản lần 1. -*
Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 255tr.; 21cm.

**181.11 Y603T/M.0178307; VN.0082511 -
VN.0082512**

200 - TÔN GIÁO

029. *Đường nào cũng trong lòng bàn tay: Một đời đáng giá 2/ Đại Sư Tinh Vân. -*
H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 244tr.; 20cm.

**293.3 Đ561N/M.0178142 - M.0178143;
MP.0037936 - MP.0037937**

030. *Phật giáo trong đời sống văn hóa người Khmer ở Campuchia.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2016. - 50tr.; 30cm

294.309596

Ph124G/T.0024515

031. *Tốt hơn mỗi ngày/ Rebekah Lyons; Dương Thanh Trà dịch.* - H.: Thanh niên, 2020. - 301tr.; 21cm.

248.86

T458H/M.0178164 - M.0178165;

MP.0037958 - MP.0037959

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

032. *Báo cáo thường niên Đông Nam Á năm 2011/ Lê Thị Thanh Hương.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2011. - 98tr.; 30cm

300.06059

B108C/T.0024536

033. *Có một vùng văn hóa Mekong/ Phạm Đức Dương.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2006. - 100tr.; 30cm

306.095

C400M/T.0024532

035. *Giáo trình khoa học giới: Dành cho đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ Nguyễn Hùng Sơn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 134tr.; 27cm.

305.00711

Gi-108T/LCV.0002534 -

LCV.0002535

036. *Kỹ năng giao tiếp và tác phong nơi công sở/ Lê Huy Khoa.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 284tr.; 21cm.

**302.2 K600N/M.0177557 - M.0177558;
MP.0037460 - MP.0037461**

037. *Mô hình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của Trung Quốc và một số nước Đông Á - Kinh nghiệm và ý nghĩa đối với Việt Nam.* - H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. - 56tr.; 30cm

303.440951 M450H/T.0024521

038. *Tài liệu hướng dẫn học tập môn Cơ sở văn hóa Việt Nam:* Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Hồ Bá Tú chủ biên, Lê Thị Thùy Linh, Nguyễn Thùy Linh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 192tr.; 27cm.

**306.09597 T103L/LCV.0002390; M.0178055 -
M.0178056; MP.0037875**

039. *Vai trò của xã hội dân sự ở Campuchia từ sau năm 1993.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2017. - 75tr.; 30cm

301.09596 V103T/T.0024516

320 – Khoa học Chính trị

040. *Giáo trình lý luận về Nhà nước:* Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp Trung đoàn/ *Nguyễn Văn Hoan chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 223tr.; 27cm.

**320.10711 Gi-108T/LCV.0002526 -
LCV.0002527**

041. *Giáo trình pháp luật:* Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị

cấp Trung đoàn/ *Nguyễn Thị Đắc Hương* chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 210tr.; 27cm.

**320.1095970711 Gi-108T/LCV.0002530 -
LCV.0002531**

042. Một số chiều hướng mới của nền chính trị thế giới đến năm 2010 - Tác động và đối sách/ *Nguyễn Xuân Thắng*. - H.: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2006. - 173tr.; 30cm

320 M458S/T.0024492

043. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển đất nước: Hiện trạng - Vấn đề đặt ra - định hướng trong giai đoạn mới: Sách tham khảo/ *Đồng chủ biên: Trần Quốc Toản, Phùng Hữu Phú, Tạ Ngọc Tấn*. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 474tr.; 24cm.

**320.609597 M458S/M.0177832 - M.0177833;
MP.0037723 - MP.0037724; VV.0018522 - VV.0018523**

044. Nâng cao chất lượng quyết định của Quốc hội về các vấn đề quan trọng của đất nước: Hội thảo. - H.: Đảng đoàn Quốc hội, 2009. - 180tr.; 30cm

320.09597 N122C/T.0024504

045. Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng chính trị và các tổ chức xã hội (Nghiên cứu điển hình một số nước Đông Nam Á và gợi mở cho Việt Nam)/ *Đồng chủ biên: Đậu Công Hiệp, Mai Thị Mai*. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 194tr.; 19cm.

**320.1 Nh100N/M.0177856 - M.0177857;
MP.0037747 - MP.0037748; VN.0082410 - VN.0082411**

046. Những vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nổi bật của

Đông Nam Á năm 2009 và tác động đến Việt Nam. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2009. - 100tr.; 30cm
320.09597 Nh556V/T.0024503

047. *Quan điểm, chính sách của Campuchia về vùng đất Nam Bộ.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2005. - 208tr.; 30cm
320.9596 Qu105Đ/T.0024525

048. *Quan điểm vượt thời đại trong tư tưởng "Trị nước, an dân" của Lê Thánh Tông - Giá trị kế thừa cho công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay/ Đồng chủ biên: Trần Việt Hà, Trịnh Văn Toàn.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 179tr.; 21cm.
320.509597 Qu105Đ/M.0177850 - M.0177851;
MP.0037741 - MP.0037742; VN.0082404 - VN.0082405

049. *Vai trò của hệ thống chính trị trong xử lý điểm nóng dân tộc - tôn giáo ở An Giang hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chính trị học/ *Lê Minh Thuận.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 89tr.; 30cm ++ Phụ lục
320.809597 V103T/LV.00009846

324 – Quá trình chính trị

050. *Bổ nhiệm cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự quản lý giai đoạn hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Lê Minh Sơn.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 110tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

B450N/LV.00009848

051. *Bồi dưỡng phong cách công tác của chính trị viên tiểu đoàn ở Quân khu I giai đoạn hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Xuân Sỹ*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 110tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

B452D/LV.00009854

052. *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam/ Lê Mậu Hãn, Võ Văn Bé*. - Tái bản, có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 222tr.; 19cm.

324.2597075

C101C/M.0177860 - M.0177861;

MP.0037749 - MP.0037750; VN.0082412 - VN.0082413

053. *Cương lĩnh 2011 - Những vấn đề lý luận và thực tiễn qua 10 năm thực hiện/ Đồng chủ biên: Tạ Ngọc Tấn, Phùng Hữu Phú, Nguyễn Viết Thông....* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 372tr.; 24cm.

324.2597075

C561L/M.0177834 - M.0177835;

MP.0037725 - MP.0037726; VV.0018524 - VV.0018525

054. *Đảng bộ Quân đội lãnh đạo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hậu cần (1969 - 1975)/ Nguyễn Hữu Hoạt chủ biên, Nguyễn Hải Sinh biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 199tr.; 21cm.

324.2597075

Đ106B/LC.0015509; MP.0038102;

VN.0082555 - VN.0082556

055. *Đảng bộ tỉnh Gia Lai lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số từ năm 2005 đến năm 2015*: Luận văn thạc sĩ

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 60223015/ *Vũ Thị Thảo*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.00009868

056. *Đảng lãnh đạo đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ từ năm 1939 đến năm 1945*: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 60220315/ *Đỗ Văn Phương*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017. - 90tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

Đ106L/LV.00009872

057. *Kiến thức và kỹ năng dành cho cán bộ dân vận cấp cơ sở*/ Đồng chủ biên: *Lương Trọng Thành, Đỗ Phương Anh, Lê Đình Tư*. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 278tr.; 21cm.

324.2597075

K305T/M.0177854 - M.0177855;

MP.0037745 - MP.0037746; VN.0082408 - VN.0082409

058. *Lịch sử Đảng bộ Công ty Hải sản Trường Sa (1978 - 2018)*/ *Hoàng Quốc Tiệp biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 245tr.; 24cm.

324.2597075

L302S/LCV.0002422 -

LCV.0002423; MP.0038193 - MP.0038194; VV.0018624 - VV.0018625

059. *Lịch sử Đảng bộ Cục Quân khí (1975 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 519tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0016245 - LC.0016246;

MP.0038086 - MP.0038087; VN.0082537 - VN.0082538

060. *Lịch sử Đảng bộ Vùng 3 Hải quân (1975 - 2020)*/ *Biên*

soạn: Nguyễn Hữu Minh, Phạm Đình Thành, Vũ Đức Tự.... -
H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 335tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0038088 - MP.0038089;
VN.0082539 - VN.0082540

061. Lịch sử và Đảng bộ nhân dân phường Cửa Đông (1930 - 2015)/ Trịnh Thanh Phi chủ biên. - H.: Dân trí, 2020. - 344tr.; 19cm.

324.2597075 L302S/VN.0080452

062. Một số chuyên đề về công tác dân vận, truyền truyền đặc biệt trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Tài liệu tham khảo dùng cho tập huấn cán bộ dân vận trong Quân đội/ *Biên soạn: Phạm Văn Sỹ, Phạm Trọng Thắng, Vũ Ngọc Khôi....* - H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 271tr.; 21cm.

324.2597075 M458S/VN.0080967

063. Phong trào đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh dưới sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1965 đến năm 1975: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 60220315/ *Phạm Thị Kiều.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ph431T/LV.00009839

064. Phong trào đấu tranh của phụ nữ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dưới sự lãnh đạo của Đảng thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975): Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 60220315/ *Đỗ Thị Thanh Huyền.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 104tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ph431T/LV.00009876

065. Thu hút và trọng dụng nhân tài trong công tác cán bộ của Thành ủy Hà Nội giai đoạn hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Thị Thu Hằng*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Th500H/LV.00009856

066. Tỉnh ủy Sóc Trăng lãnh đạo công tác quản lý, bảo vệ biên giới biển giai đoạn hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Quốc Cường*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 92tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 T312U/LV.00009841

067. Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh "là đạo đức, là văn minh": Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập chủ đề năm 2010 Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". - H.: Chính trị quốc gia, 2010. - 248tr.; 19cm.

324.2597075 T550T/VN.0080327

068. Xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Thực trạng và giải pháp/ Đàm Đức Vượng. - H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2006. - 375tr.; 30cm

324.2597075 X126D/T.0024511

069. Dự án điều tra tổng hợp quan hệ Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia trên lĩnh vực kinh tế-văn hóa-xã hội tại các vùng biên giới (1997-2000). - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2000; 30cm

T.1: Một số kiến nghị khoa học. - 345tr.

327.595 D550A/T.0024529

T.2 : Báo cáo cuối cùng. - 91tr.

327.595 D550A/T.0024535

070. Định vị Việt Nam trong chính sách đối ngoại của các cường quốc hiện nay. - H.: Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, 2019. - 96tr.; 30cm

327.597 Đ312V/T.0024517

071. Gắn kết và chủ động thích ứng: Tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025: Sách chuyên khảo/ Đặng Cẩm Tú chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 279tr.; 21cm.

327.597059 G115K/M.0177836 - M.0177837;

MP.0037727 - MP.0037728; VN.0082390 - VN.0082391

072. Hội thảo "Việt Nam - Đức một thế giới học tập làm việc mới". - H., 2005. - 100tr.; 30cm

327.597047 H452T/T.0024524

073. Một số giải pháp nhằm tăng cường quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện giữa Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2013-2020: Thuyết minh nhiệm vụ hợp tác quốc tế về

khoa học công nghệ theo nghị định thư. - H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2012. - 99tr.; 30cm

327.5970596 M458S/T.0024522

074. *Nghiên cứu cơ sở lịch sử, văn hóa, chính trị, xã hội và pháp lý của vùng biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia và đề xuất giải pháp ổn định và phát triển vùng biên giới hai nước.* - H.: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2007. - 120tr.; 30cm

327.5970596 Ngh305C/T.0024519

075. *Những chiến sĩ com lê ra trận/ Minh Tâm biên soạn.* - H.: Dân trí, 2021. - 203tr.; 21cm.

327.9597 Nh556C/M.0177651 - M.0177652;
MP.0037549; VN.0082230 - VN.0082231

076. *Những sắc màu hữu nghị, đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia.* - H.: Văn học, 2018. - 112tr.; 25cm.

327.597059 Nh556S/VV.0017925

077. *Những vấn đề nổi trội ở Đông Nam Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2004. - 145tr.; 30cm

327.59 Nh556V/T.0024493

078. *Quan hệ giữa Nhật Bản với các thành viên mới của ASEAN và hợp tác phát triển hành lang Đông-Tây:* Hội thảo. - Đà Nẵng, 2009. - 70tr.; 30cm

327.5 Qu105H/T.0024557

079. *Quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học-kỹ thuật*

Việt Nam - Campuchia trong bối cảnh Campuchia và tình hình quốc tế, khu vực hiện nay. - H.: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2003. - 86tr.; 30cm

327.5970596

Qu105H/T.0024533

080. *Quan hệ Trung Quốc-ASEAN-Nhật Bản trong bối cảnh mới và tác động của nó tới Việt Nam.* - H.: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2006. - 319tr.; 30cm

327.95

Qu105H/T.0024507

081. *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sau 20 năm bình thường hóa: Hiện thực và triển vọng:* Kỷ yếu Hội thảo quốc tế. - H.: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2015. - 160tr.; 30cm

327.597073

Qu105H/T.0024534

082. *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2020)/* *Đồng chủ biên: Hoàng Văn Hiến, Dương Thúy Hiền.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 254tr.; 21cm.

327.597073

Qu105H/M.0177848 - M.0177849;

MP.0037739 - MP.0037740; VN.0082402 - VN.0082403

083. *Sự biến động địa chính trị Đông Á hai thập niên đầu thế kỷ XXI - Những vấn đề đặt ra và đối sách của Việt Nam/* *Trần Khánh.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2010. - 292tr.; 30cm

327.5

S550B/T.0024489

084. *Sự điều chỉnh chiến lược của Liên hiệp châu Âu đối với Đông Nam Á và đối sách của Việt Nam.* - H.: Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2004. - 104tr.; 30cm

327.5

S550Đ/T.0024496

085. Sự phát triển của cộng đồng các quốc gia độc lập trong bối cảnh quốc tế mới hiện nay: Đề tài nghiên cứu cấp bộ. - H.: Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2007. - 193tr.; 30cm

327.4 S550P/T.0024552

086. Thăm tình hữu nghị đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Văn học, 2019. - 401tr.; 21cm.

327.597059 Th114T/VN.0080965

087. Từ Hiệp hội (ASEAN) đến Cộng đồng (AC): Những vấn đề nổi bật trong giai đoạn 2010-2020 và tác động đến Việt Nam/ Nguyễn Duy Dũng. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2010. - 204tr.; 30cm

327.59 T550H/T.0024485

088. Vai trò của Nhật Bản trong sự phát triển văn hóa - xã hội ở một số nước Đông Nam Á (Việt Nam-Lào-Campuchia): Báo cáo tổng hợp đề tài cấp cơ sở. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2013. - 52tr.; 30cm

327.59 V103T/T.0024549

328 – Quá trình lập pháp

089. Đổi mới hoạt động lấy ý kiến của nhân dân trong quy trình lập pháp ở Việt Nam: Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 60380101/ Lò Thị Việt Hà. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 100tr.; 30cm + + Phụ lục

328.597 Đ452M/LV.00009867

090. *Hệ thống ủy ban của Nghị viện các nước trên thế giới:*
Báo cáo nghiên cứu. - H.: Thư viện Quốc hội, 2014. - 85tr.;
30cm

328.39 H250T/T.0024545

091. *Quy trình lập pháp ở các nước trên thế giới.* - H.: Văn
phòng Quốc hội, 2014. - 400tr.; 30cm

328 + 328 Qu300T + Qu300T/T.0024538

**092. *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động
giám sát của Quốc hội:*** Báo cáo khoa học/ Lê Như Tiến. - H.:
Văn phòng Quốc hội, 2009. - 154tr.; 30cm

328.597 Th552T/T.0024528

**093. *Tọa đàm giữa Đại biểu Quốc hội Việt Nam và Đại biểu
Quốc hội Đan Mạch.*** - H.: Văn phòng Quốc hội, 2014. -
100tr.; 30cm

328.597 T401Đ/T.0024555

330 – Kinh tế học

**094. *Các mô hình xác định cơ cấu kinh tế, nguồn tăng
trưởng và ảnh hưởng của chính sách đến tăng trưởng kinh tế
Việt Nam từ năm 1996-2005/ Nguyễn Khắc Minh.*** - H.:
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2010. - 330tr.; 30cm

330.09597 C101M/T.0024486

095. *Dự báo những tác động đối với ngành then chốt và vùng*

kinh tế trọng điểm khi Việt Nam gia nhập WTO/ Nguyễn Thị Thu Hằng. - H.: Trung tâm Phân tích và Dự báo, 2006. - 96tr.; 30cm

330.09597

D550B/T.0024497

096. Một số lý thuyết kinh tế trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam. - H.: Hội đồng Lý luận Trung ương, 2009. - 373tr.; 30cm

330.09597

M458S/T.0024483

097. Một số vấn đề cơ bản của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay: Kỷ yếu Kỳ họp thứ 8 Hội đồng Lý luận Trung ương. - H.: Hội đồng Lý luận Trung ương, 2009. - 208tr.; 30cm

330.9597

M458S/T.0024526

098. Một số vấn đề phát triển cơ bản của Liên bang Nga những năm đầu thế kỷ 21/ Nguyễn An Hà. - H.: Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2007. - 152tr.; 30cm

330.0947

M458S/T.0024491

099. Nâng cao chất lượng thể chế: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam: Hội thảo. - H., 2011. - 90tr.; 30cm

330.09597

N122C/T.0024505

100. Nghiên cứu sự phát triển của Ấn Độ và ảnh hưởng của nó tới Việt Nam trong quá trình hội nhập. - H.: Viện Chiến lược phát triển, 2006. - 70tr.; 30cm

330.0954

Ngh305C/T.0024498

101. *Những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của châu Mỹ ngày nay.* - H.: Viện nghiên cứu Đông Nam Á, 2006. - 131tr.; 30cm

330.097 Nh556V/T.0024494

102. *Phát triển thị trường khoa học công nghệ nhằm thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2011-2020/ Nguyễn Chiến Thắng.* - H.: Viện Kinh tế Việt Nam, 2012. - 148tr.; 30cm

330.09597 Ph110T/T.0024490

335 – *Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan*

103. *Chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh:* Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Nguyễn Văn Huấn.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 92tr.; 30cm + + Phụ lục

335.009597 Ch455C/LV.00009871

104. *Hồ Chí Minh toàn tập.* - Xuất bản lần 3, có sửa chữa. - H.: Chính trị quốc gia, 2021; 24cm.

T.1 : 1912 - 1924. - 575tr.

335.4346 H450C/VV.0018357 - VV.0018358

T.2: 1924 - 1929. - 649tr.

335.4346 H450C/VV.0018359 - VV.0018360

T.3: 1930 - 1945. - 699tr.

335.4346 H450C/VV.0018361 - VV.0018362

T.4: 1945 - 1946. - 651tr.
335.4346 H450C/VV.0018363 - VV.0018364

T.5: 1947 - 1948. - 761tr.
335.4346 H450C/VV.0018365 - VV.0018366

T.6: 1949 - 1950. - 619tr.
335.4346 H450C/VV.0018367 - VV.0018368

T.7: 1951 - 1952. - 663tr.
335.4346 H450C/VV.0018369 - VV.0018370

T.8: 1953 - 1954. - 630tr.
335.4346 H450C/VV.0018371 - VV.0018372

T.9: 1954 - 1955. - 591tr.
335.4346 H450C/VV.0018373 - VV.0018374

T.10: 1955 - 1957. - 703tr.
335.4346 H450C/VV.0018375 - VV.0018376

T.11: 1957 - 1958. - 682tr.
335.4346 H450C/VV.0018377 - VV.0018378

T.12: 1959 - 1960. - 828tr.
335.4346 H450C/VV.0018379 - VV.0018380

T.13: 1961 - 1962. - 612tr.
335.4346 H450C/VV.0018381 - VV.0018382

T.14: 1963 - 1965. - 830tr.

335.4346 H450C/VV.0018383 - VV.0018384

T.15: 1966 - 1969. - 767tr.

335.4346 H450C/VV.0018385 - VV.0018386

105. *Hướng dẫn học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin:*

Dùng cho học viên đào tạo kỹ sư quân sự tại Học viện Kỹ thuật Quân sự/ *Phùng Văn Như chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 188tr.; 27cm.

**335.412 H561D/M.0178051 - M.0178052;
MP.0037873**

106. *Hướng dẫn học tập môn Triết học Mác - Lênin:*

Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Đặng Trường Minh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 223tr.; 27cm.

**335.43 H561D/LCV.0002541; M.0178032 -
M.0178033; MP.0037861**

107. *Nghệ thuật chính trị Hồ Chí Minh và vận dụng vào xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở nước ta hiện nay:*

Luận văn thạc sĩ Chính trị học: 60310201/ *Đỗ Đăng Điệp.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 90tr.; 30cm + + Phụ lục

335.4346 Ngh250T/LV.00009874

108. *Phong cách ứng xử chính trị Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn:*

Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Đào Đình Tuấn.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 100tr.; 30cm + + Phụ lục

335.4346 Ph431C/LV.00009837

109. Tài liệu hướng dẫn học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự/ *Tô Thanh Tùng chủ biên.*
- H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 255tr.; 27cm.

**335.423 T103L/LCV.0002536; M.0178045 -
M.0178046; MP.0037869**

110. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Đặng Công Thành.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 114tr.; 30cm + + Phụ lục

335.4346 V121D/LV.00009878

111. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở các tỉnh Tây Bắc bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Nguyễn Thanh Thủy.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 114tr.; 30cm + + Phụ lục

335.4346 X126D/LV.00009847

338 – Sản xuất

112. Công nghiệp Việt Nam trong mạng sản xuất khu vực: vị trí, triển vọng và kiến nghị chính sách/ Cù Chí Lợi. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 90tr.; 30cm

338.4509597 C455N/T.0024541

113. Hệ thống kênh phân phối Viettel Mobile tại chi nhánh Viettel Quảng Ninh: Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế:

60340410/ *Nguyễn Tiến Dũng*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

338.709597

H250T/LV.00009849

113. *Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế của các sản phẩm chủ lực vùng đồng bằng sông Hồng*. - H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2012. - 271tr.; 30cm

338.09597

U556D/T.0024539

114. *Phát triển kinh tế vùng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*/ *Nguyễn Xuân Thu*. - H., 2005. - 149tr.; 30cm

338.9597

Ph110T/T.0024537

115. *Sở hữu tập thể và kinh tế tập thể - Vị trí và vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*/ *Chữ Văn Lâm*. - H., 2005. - 155tr.; 30cm

338.09597

S460H/T.0024495

340 – Luật pháp

116. *Cơ sở lý luận và thực tiễn về sự tham gia của Hội Luật gia Việt Nam vào xây dựng pháp luật ở Việt Nam*: Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 60380101/ *Phạm Xuân Anh*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

340.597

C460S/LV.00009870

117. *Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật bảo đảm phát triển bền vững ở Việt*

Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế: Đề tài cấp nhà nước. -
H.: Trường Đại học Luật Hà Nội, 2014. - 373tr.; 30cm
340.09597 Ngh305C/T.0024546

118. *Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế:* Đề tài cấp nhà nước. -
H.: Trường Đại học Luật Hà Nội, 2014. - 487tr.; 30cm
340.09597 Ngh305C/T.0024547

119. *Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế:* Đề tài cấp nhà nước. -
H.: Trường Đại học Luật Hà Nội, 2014. - 410tr.; 30cm.
340.09597 Ngh305C/T.0024548

120. *Sự phát triển tư tưởng lập hiến Việt Nam:* Luận văn thạc sĩ Chính trị học: 60310201/ *Nguyễn Thị Mai Anh*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 110tr.; 30cm + + Phụ lục
340.09597 S550P/LV.00009875

341 – Luật giữa các quốc gia

121. *ASEAN và cuộc tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông.* -
H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2002. - 80tr.; 30cm
341.16 A109V/T.0024514

122. *Báo cáo thường niên Đông Nam Á năm 2011/ Lê Thị*

Thanh Hương. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2011. - 102tr.; 30cm

341.2473

B108C/T.0024512

123. *Hiến chương ASEAN và văn bản triển khai hiến chương các vấn đề pháp lý:* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. - H.: Bộ Ngoại giao, 2010. - 286tr.; 30cm

341.2473

H305C/T.0024551

124. *Luật Nhân đạo Quốc tế: Trả lời những câu hỏi của bạn.* - H.: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế, 2015. - 96tr.; 21cm.

341.67

L504N/VN.0080968

125. *Văn bản pháp luật về biển của một số nước trên thế giới.* - H.: Viện Nghiên cứu Lập pháp, 2009. - 166tr.; 30cm

341.45

V115B/T.0024500

342 – Luật hiến pháp và hành chính

126. *Bảo đảm quyền của phụ nữ là nạn nhân của hành vi mua bán người qua biên giới ở tỉnh Lào Cai hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Pháp luật về quyền con người/ *Trần Thị Thanh Tâm.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

342.5970878

B108Đ/LV.00009852

127. *Chỉ dẫn tra cứu, áp dụng pháp luật về tố cáo/ Nguyễn Anh Đức.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 162tr.; 21cm.

342.597068

Ch300D/M.0177842 - M.0177843;

MP.0037733 - MP.0037734; VN.0082396 - VN.0082397

128. Luật Căn cước công dân (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2020). - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 42tr.; 19cm.

**342.597083 L504C/M.0177858 - M.0177859;
MP.0037751 - MP.0037752; VN.0082414 - VN.0082415**

129. Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành. - H.: Thanh niên, 2021. - 195tr.; 19cm.

**342.59706 L504X/M.0177665 - M.0177666;
MP.0037554; VN.0082226 - VN.0082227**

130. Pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của một số nước trên thế giới. - H.: Viện Nghiên cứu Lập pháp, 2009. - 166tr.; 30cm.

342.5970662 Ph109L/T.0024540

131. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hiến pháp ở Việt Nam - Giá trị lý luận và thực tiễn: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Trịnh Quốc Việt*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 109tr.; 30cm ++ Phụ lục

342.597 T550T/LV.00009838

343 – Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại (mậu dịch), công nghiệp

132. Áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự Quân khu 2, Quân đội nhân dân Việt Nam: Luận văn thạc sĩ Luật: 60380101/ *Nguyễn Bá Hùng*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 101tr.; 30cm ++ Phụ lục

343.597 A109D/LV.00009864

133. *Chất lượng hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự ở Quân khu 3, Quân đội nhân dân Việt Nam*: Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 60380101/ *Trần Thị Tuyết Lành*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 96tr.; 30cm + + Phụ lục

343.597 Ch124L/LV.00009873

134. *Cơ sở lý luận và thực tiễn đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật của cảnh sát biển trên vùng biển Vịnh Bắc Bộ, Việt Nam*: Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 60380101/ *Trần Văn Lượng*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

343.59701997 C460S/LV.00009859

135. *Hệ thống pháp luật về kinh tế trong tiến trình đổi mới đất nước đến năm 2020*. - H.: Văn phòng Quốc hội, 2009. - 45tr.; 30cm

343.59707 H250T/T.0024531

136. *Luật Biên phòng Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành*. - H.: Thanh niên, 2021. - 179tr.; 19cm.

343.597015351 L504B/M.0177667 - M.0177668;
MP.0037555; VN.0082228 - VN.0082229

344 – *Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa*

137. *Cơ sở lý luận và thực tiễn đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khai thác*

khoảng sản của lực lượng cảnh sát môi trường, Bộ Công an Việt Nam: Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 60380101/ *Hoàng Thị Như Quỳnh*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

344.597046

C460S/LV.00009863

138. *Hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2005-2015 và định hướng phát triển giai đoạn tới, trong đó trú trọng đẩy mạnh công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo.* - H.: Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2016. - 239tr.; 30cm

344.597095

H309Q/T.0024544

139. *Hoàn thiện pháp luật về chế độ chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng công an nhân dân Việt Nam:* Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 60380101/ *Lê Xuân Tuyên*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

344.59705

H406T/LV.00009845

140. *Hoàn thiện pháp luật về quản lý tài nguyên môi trường biển và hải đảo Việt Nam:* Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật: 60380101/ *Nguyễn Văn Quang*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 93tr.; 30cm + + Phụ lục

344.597046

H406T/LV.00009842

141. *Thực hiện pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Lý luận và lịch sử Nhà

nước và pháp luật: 60380101/ *Vũ Thanh Thủy*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 97tr.; 30cm + + Phụ lục

344.59709

Th552H/LV.00009840

346 – Luật tư

142. Báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. - H.: Văn phòng Chính phủ, 2012. - 188tr.; 30cm

346.59704

B108C/T.0024550

143. Hệ thống pháp luật về kinh tế trong tiến trình đổi mới đất nước đến năm 2020. - H.: Văn phòng Quốc hội, 2009. - 207tr.; 30cm

346.59707

H250T/T.0024520

144. Luật Thanh niên và các văn bản hướng dẫn thi hành. - H.: Thanh niên, 2021. - 167tr.; 19cm.

346.5970135

L504T/M.0178196 - M.0178197;

MP.0037990 - MP.0037991; VN.0082481 - VN.0082482

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

352 – Xem xét tổng hợp về hành chính công

145. Giáo trình lãnh đạo và quản lý cấp cơ sở/ Nguyễn Thọ Ánh chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 263tr.; 21cm.

**352.282140711 Gi-108T/M.0177840 - M.0177841;
MP.0037731 - MP.0037732; VN.0082394 - VN.0082395**

146. *Kỹ năng cơ bản dành cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp/* Đồng chủ biên: Lương Trọng Thành, Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Thị Nguyệt. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 182tr.; 21cm.

**352.14 K600N/M.0177838 - M.0177839;
MP.0037729 - MP.0037730; VN.0082392 - VN.0082393**

355 – Khoa học quân sự

147. *Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam - 65 năm bên Cột cờ Hà Nội.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 200tr.; 23cm.

**355.009597 B108T/LCV.0002492 -
LCV.0002493; M.0178320 - M.0178321; MP.0038076;
VV.0018618 - VV.0018619**

148. *Biên niên sự kiện Bệnh viện Quân y 87 (2006 - 2020)/* Trịnh Viết Thắng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 318tr.; 24cm.

**355.7209597 B305N/LCV.0002497 -
LCV.0002498; MP.0038078 - MP.0038079; VV.0018620 -
VV.0018621**

149. *Biên niên sự kiện Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần (2011 - 2020)/* Chủ biên: Lê Tất Cường, Nguyễn Mạnh Hùng. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 743tr.; 24cm.

**355.809597 B305N/LCV.0002494; MP.0038197
- MP.0038198; VV.0018628 - VV.0018629**

150. Công tác dân vận của các tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh Savannakhet, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Phongsamay Hounnachampa*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 103tr.; 30cm + + Phụ lục

355.009594

C455T/LV.00009850

151. Công tác giáo dục chính trị cho hạ sỹ quan, binh sỹ ở các trung đoàn chủ lực thuộc Quân khu 2 giai đoạn hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Dương Trung Tiến*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 124tr.; 30cm + + Phụ lục

355.007

C455T/LV.00009862

152. Cục Đối ngoại - 55 năm xây dựng và phát triển (1964 - 2019)/ *Trương Mai Hương* chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 583tr.; 22cm.

355.009597

C506Đ/LC.0016223 - LC.0016224;

MP.0038080 - MP.0038081; VN.0082527 - VN.0082528

153. Cục Quân khí - Biên niên sự kiện (1998 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 699tr.; 22cm.

355.809597

C506Q/LC.0016229 - LC.0016230;

MP.0038084 - MP.0038085; VN.0082531 - VN.0082532

154. Đoàn 871 - 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (1971 - 2021)/ *Biên soạn: Nguyễn Hữu San,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 279tr.; 21cm.

355.009597 Đ406T/LC.0015917; MP.0038201 -
MP.0038202; VN.0082562 - VN.0082563

155. *Giáo dục đạo đức cách mạng cho học viên Trường Sĩ quan Chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh*: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Đông Khắc Tú*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 109tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Gi-108D/LV.00009851

156. *Giáo dục phẩm chất "Trung với nước, hiếu với dân" cho học viên Trường sĩ quan Lục quân I theo đạo đức Hồ Chí Minh*: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Nguyễn Xuân Chiến*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Gi-108D/LV.00009877

157. *Giáo trình đấu tranh chống gián điệp và phản động ở khu vực biên giới*: Dùng cho đào tạo trung cấp biên phòng/ *Trương Công Thành chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 131tr.; 27cm.

355.3510711 Gi-108T/LCV.0002445;
MP.0037572 - MP.0037573; VV.0018482 - VV.0018483

158. *Giáo trình giáo dục học quân sự*: Dùng cho đào tạo sĩ quan chỉ huy, tham mưu, hậu cần, kỹ thuật, quân y, tình báo cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Thái Bảo chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 202tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/LCV.0002532 -
LCV.0002533

159. *Giáo trình lý luận chung về lãnh thổ quốc gia và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia:* Dùng cho đào tạo trung cấp biên phòng/ *Hoàng Ngọc Hạnh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 119tr.; 27cm.

**355.3510711 Gi-108T/LCV.0002446;
MP.0037576 - MP.0037577; VV.0018486 - VV.0018487**

160. *Giáo trình nghiệp vụ quản lý, kiểm soát cửa khẩu:* Dùng cho đào tạo trung cấp biên phòng/ *Đồng Minh Hiếu chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 135tr.; 27cm.

**355.3510711 Gi-108T/LCV.0002447;
MP.0037580 - MP.0037581; VV.0018490 - VV.0018491**

161. *Giáo trình quản lý giáo dục ở nhà trường Quân đội:* Dùng cho đào tạo giảng viên Khoa học xã hội và nhân văn/ *Chủ biên: Phan Văn Tý, Nguyễn Thanh Hà.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 170tr.; 27cm.

**355.00711597 Gi-108T/LCV.0002528 -
LCV.0002529**

162. *Giáo trình sử dụng phương tiện quản lý, kiểm soát cửa khẩu:* Dùng cho đào tạo trung cấp biên phòng/ *Nguyễn Hữu Dân chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 87tr.; 27cm.

**355.3510711 Gi-108T/LCV.0002448;
MP.0037578 - MP.0037579; VV.0018488 - VV.0018489**

163. *Giáo trình trang bị vũ khí khí tài trên xe quân sự:* Dùng cho đào tạo trình độ đại học chuyên ngành vũ khí, tăng thiết giáp, xe quân sự/ *Nguyễn Duy Phồn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 200tr.; 27cm.

355.80711 Gi-108T/LCV.0002417;
MP.0037867; VV.0018564 - VV.0018565

164. *Hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự của Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc:* Sách chuyên khảo/ Vũ Đình Liêm chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 182tr.; 21cm.

355.35109597 H411Đ/LC.0015946 - LC.0015947;
M.0178477 - M.0178478; MP.0038216; VN.0082580 -
VN.0082581

165. *Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội:* Dành cho đào tạo cán bộ chỉ huy tham mưu kỹ thuật/ Đặng Trường Minh chủ biên, Nguyễn Đình Nguyên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 194tr.; 27cm.

355.00711 H419T/LCV.0002393; M.0178020 -
M.0178021; MP.0037851

166. *Hướng dẫn đồ án môn học công sự:* Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành xây dựng công trình quốc phòng/ Nguyễn Chí Thọ chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 95tr.; 27cm.

355.7 H561D/M.0177757 - M.0177758 -
M.0177759; MP.0037616 - MP.0037617

167. *Lịch sử Cục Hậu cần (1947 - 2021)/* Biên soạn: Nguyễn Minh Ngọc, Bùi Văn Tuấn. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 423tr.; 21cm.

355.809597 L302S/LC.0015915 - LC.0015916;
MP.0038199 - MP.0038200; VN.0082560 - VN.0082561

168. *Lịch sử Kho K22 (1951 - 2021)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 334tr.; 21cm.

**355.75 L302S/LC.0015887; MP.0038204 -
MP.0038205; VN.0082566 - VN.0082567**

169. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân quận Cầu Giấy (1997 - 2020)/ Hoàng Đức Sinh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 478tr.; 22cm.

**355.009597 L302S/LC.0016225 - LC.0016226;
MP.0038082 - MP.0038083; VN.0082529 - VN.0082530**

170. *Lịch sử Ngành in Quân đội (1945 - 2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 451tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/LC.0015921 - LC.0015922;
MP.0038209 - MP.0038210; VN.0082572 - VN.0082573**

171. *Nâng cao bản lĩnh chính trị của đội ngũ trung đội trưởng thông tin trong quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Hà Sỹ Chiến. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 159tr.; 21cm.

**355.8509597 N122C/LC.0015960 - LC.0015961;
M.0178337 - M.0178338; MP.0038099; VN.0082551 -
VN.0082552**

172. *Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị của Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ Trương Văn Bắc. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 135tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 N122C/LV.00009857

173. *Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ quân đội trong bối cảnh hội nhập quốc tế/ Trần Hữu Phúc chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 264tr.; 21cm.

**355.00711597 N122C/LC.0015962 - LC.0015963;
MP.0038100 - MP.0038101; VN.0082553 - VN.0082554**

174. *Nguyễn Chí Thanh - Những góc nhìn từ hậu thế/ Bùi Chí Trung.* - Tái bản lần 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 288tr.; 22cm.

**355.0092 Ng527C/LC.0015913 - LC.0015914;
M.0178324 - M.0178325; VN.0082533 - VN.0082534**

175. *Ảnh hưởng của mạng lưới xã hội đối với sự lựa chọn ngành học chính trị viên của học viên sỹ quan chính trị:* Luận văn thạc sỹ Xã hội học: 60310301/ *Nguyễn Trọng Tuân.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 109tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 A107H/LV.00009860

176. *Những cánh thư ra Bắc vào Nam:* Chuyện về những bức thư gia đình Đại tướng Nguyễn Chí Thanh/ *Vũ Công Lập, Bùi Chí Trung.* - Tái bản lần 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 240tr.; 22cm.

**355.0092 Nh556C/LC.0015911 - LC.0015912;
M.0178326 - M.0178327; VN.0082535 - VN.0082536**

177. *Phát triển hệ giá trị văn hóa của thanh niên Quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới/ Vũ Văn Bách.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 222tr.; 21cm.

355.009597 Ph110T/M.0177852 - M.0177853;
MP.0037743 - MP.0037744; VN.0082406 - VN.0082407

178. *Phát triển trí tuệ cho học viên trong dạy học ở Học viện Chính trị hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Bùi Minh Đức chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 147tr.; 21cm.

355.00711597 Ph110T/LC.0015933; MP.0038219 -
MP.0038220; VN.0082582 - VN.0082583

179. *Phòng, chống tác động tiêu cực của các trang mạng xã hội đối với sĩ quan trẻ ở đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Đình Bắc chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 191tr.; 21cm.

355.33209597 Ph431C/LC.0015934 - LC.0015935;
M.0178469 - M.0178470; MP.0038215; VN.0082578 -
VN.0082579

180. *Phong trào chiến tranh du kích trên địa bàn tỉnh Kon Tum (1945 - 1975)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 363tr.; 21cm.

355.42509597 Ph431T/LC.0015918; M.0178473 -
M.0178474; MP.0038208; VN.0082570 - VN.0082571

181. *Quần chúng nhân dân - Nhân tố quyết định thắng lợi cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự*/ *Tô Lâm*. - H.: Công an nhân dân, 2017. - 472tr.; 24cm.

355.0330597 Qu121C/VV.0018106

182. *Rèn luyện kỹ năng mềm thông qua hoạt động ngoại khóa ngoại ngữ cho các đối tượng học viên ở Học viện Lục*

quân/ Trà Thị Thoa, Nguyễn Công Sơn, Nguyễn Văn Phòng. -
Lâm Đồng: Học viện Lục quân, 2018. - 120tr.; 30cm
355.007109597 R203L/T.0024467

183. Sự hình thành, phát triển hệ thống cửa khẩu Việt Nam và công tác quản lý cửa khẩu, kiểm soát xuất, nhập cảnh của Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Lê Văn Phúc chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 199tr.; 21cm.

**355.35109597 S550H/LC.0015952 - LC.0015953;
M.0178328 - M.0178329; MP.0038090; VN.0082541 -
VN.0082542**

184. Tài liệu học tập chính trị của công nhân và viên chức quốc phòng/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 208tr.; 19cm.

**355.009597 T103L/LC.0015968 - LC.0015969;
MP.0038103 - MP.0038104; VN.0082557 - VN.0082558**

185. Tôn Tử mưu lược tung hoành/ Trương Quốc Hạo; Ng. dịch: Thành Khang, Ngọc San. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2016. - 343tr.; 21cm.

**355.02 T454T/M.0178306; VN.0082509 -
VN.0082510**

186. Tổng kết hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)/ Biên soạn: Nguyễn Văn Tùng, Đỗ Các Đông, Ngô Quốc Tuấn. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 296tr.; 21cm.

355.009597 T455K/LC.0015954 - LC.0015955;
MP.0038095 - MP.0038096; VN.0082547 - VN.0082548

187. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa con người và vũ khí trong hoạt động quân sự: Sách chuyên khảo/ *Phạm Văn Minh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 251tr.; 21cm.

355.4 T550T/LC.0016271 - LC.0016272;
M.0178485 - M.0178486; MP.0038224; VN.0082586 -
VN.0082587

188. Xây dựng môi trường thực hành tiếng Anh thông qua hoạt động ngoại khóa tại các học viện, nhà trường quân đội/ Nguyễn Thu Hạnh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 132tr.; 21cm.

355.00711597 X126D/LC.0015956 - LC.0015957;
M.0178330 - M.0178331; MP.0038091; VN.0082543 -
VN.0082544

189. Xây dựng phong cách tư duy quân sự Hồ Chí Minh cho học viên chỉ huy tham mưu cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Lục quân I hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Ngô Xuân Trường*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071109597 X126D/LV.00009869

190. 101 câu hỏi thú vị về quân sự thế giới/ Mộc Chi. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 194tr.; 21cm.

355.0091 M458T/LC.0015929 - LC.0015930;
M.0178487 - M.0178488; MP.0038225 - MP.0038226

191. 30 năm xây dựng và trưởng thành (10.8.1991 - 10.8.2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 156tr.; 24cm.
355.009597 B100M/LCV.0002495 - LCV.0002496; MP.0038195 - MP.0038196; VV.0018626 - VV.0018627

358 – Lực lượng không quân và chuyên biệt khác và cuộc chiến; quân chủng kỹ thuật và có liên quan

192. Hướng dẫn thực hành xe điều khiển tổ hợp tên lửa phòng không C75B: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành tên lửa phòng không/ *Nguyễn Thanh Tùng chủ biên, Nguyễn Vĩ Thuận.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 164tr.; 27cm.

358.17 H561D/LCV.0002394; MP.0037871; VV.0018566 - VV.0018567

193. Những vấn đề cơ bản của nghệ thuật chiến dịch phòng không trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Dành cho đào tạo chỉ huy tham mưu kỹ thuật trung đoàn, sư đoàn phòng không; chỉ huy tham mưu kỹ thuật cấp chiến thuật, chiến dịch phòng không/ *Nguyễn Xuân Phú chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 268tr.; 27cm.

358.009597 Nh556V/LCV.0002254; MP.0037602 - MP.0037603; VV.0018502 - VV.0018503

194. Tổ hợp tên lửa Uran-E và tên lửa 3M-24Đ: Dành cho đối tượng đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành thiết kế, chế tạo tên

lửa/ *Trần Ngọc Đoàn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020.
- 278tr.; 27cm.

**358.17 T450H/LCV.0002348; MP.0037584 -
MP.0037585; VV.0018494 - VV.0018495**

363 – Vấn đề và dịch vụ xã hội khác

195. *Cơ sở lý luận và thực tiễn về phòng, chống khủng bố bảo đảm an ninh quốc gia các hội nghị quốc tế của Tổng cục An ninh I, Bộ Công an Việt Nam*: Luận văn thạc sĩ Luật: 60380101/ *Trần Quang Thái*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 85tr.; 30cm + + Phụ lục

363.325 C460S/LV.00009843

196. *Giáo trình An toàn cháy nổ*: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành thuốc phóng thuốc nổ/ *Nguyễn Văn Tính chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 199tr.; 27cm.

**363.17980711 Gi-108T/LCV.0002549 -
LCV.0002550; MP.0037883 - MP.0037884**

197. *Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính nhằm huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam (BDDKH)*/ *Ngô Thế Chi*. - H.: Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2013. - 90tr.; 30cm

363.707 H406T/T.0024542

198. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ Công an nhân dân/ Tô Lâm*. - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 348tr.; 21cm.

363.2209597

T550T/VN.0081400

199. *Xây dựng phong cách ứng xử của sinh viên Đại học Cảnh sát nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh*: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 60310204/ *Đình Bá Ấu*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015. - 135tr.; 30cm + + Phụ lục

363.209597

X126D/LV.00009861

380 – Thương mại, truyền thông, vận tải

200. *Chọn thủ lĩnh*: Ngụ ngôn dành cho mọi lứa tuổi/ *Phạm Thành Long*. - Tái bản lần thứ nhất. - H.: Thanh niên, 2020. - 90tr.; 21cm.

398.209597

Ch429T/M.0177941

201. *Điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế của một số nước ASEAN từ sau khủng hoảng tài chính đến nay*. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2006. - 201tr.; 30cm

382.095

Đ309C/T.0024508

202. *Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc và tác động của nó tới quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc*/ Nguyễn Thị Mai Hạnh. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. - 81tr.; 30cm

382.095

Kh500V/T.0024510

203. *Lộ trình Campuchia gia nhập WTO và tác động của chúng đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của*

Campuchia/ Phạm Đức Thành. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2005. - 102tr.; 30cm

382.92 L450T/T.0024527

204. *Xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN và những tác động đến Việt Nam/ Bùi Sỹ Tĩnh.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. - 87tr.; 30cm

382.095 X126D/T.0024509

205. *Văn học dân gian Vĩnh Long:* Tuyển chọn từ tài liệu sưu tầm điền dã/ *La Mai Thi Gia chủ biên.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 21cm.

T.1. - 268tr.

**398.20959787 V115H/M.0177565 - M.0177566;
MP.0037468 - MP.0037469**

T.2. - 357tr.

**398.20959787 V115H/M.0177567 - M.0177568;
MP.0037470 - MP.0037471**

206. *Về quê ăn Tết/ Dương Hoàng Lộc.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 149tr.; 21cm.

**394.26109597 V250Q/M.0177569 - M.0177570;
MP.0037472 - MP.0037473**

500 – KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

207. *Giáo trình quy hoạch thực nghiệm và xử lý số liệu trong kỹ thuật:* Dành cho đào tạo sau đại học chuyên ngành kỹ thuật

cơ khí và cơ kỹ thuật/ *Nguyễn Trường An chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 176tr.; 27cm.

**519.700711 Gi-108T/LCV.0002252; M.0177733
- M.0177734 - M.0177735; MP.0037596 - MP.0037597**

208. *Giáo trình Sinh học phân tử:* Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Trần Văn Khoa chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 169tr.; 27cm.

**572.80711 Gi-108T/LCV.0002425; M.0177717,
M.0178023; MP.0037855 - MP.0037856**

209. *Sáng tạo một khoa học chính xác:* Bản dịch của kỹ sư sáng chế Dương Xuân Bảo/ *G.S. Altshuler; Dương Xuân Bảo dịch.* - H.: Thanh niên, 2012. - 232tr.; 21cm.. - (Tủ sách sáng tạo học)

507 S106T/M.0177940

210. *Thí nghiệm hóa học môi trường:* Dùng cho đào tạo kỹ sư ngành công nghệ kỹ thuật môi trường/ *Phạm Mạnh Thảo chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 60tr.; 27cm.

**577.14 Th300N/LCV.0002399; M.0178012 -
M.0178013; MP.0037843**

211. *Thí nghiệm hóa hữu cơ:* Dùng cho đào tạo kỹ sư ngành công nghiệp kỹ thuật hóa học/ *Cao Hải Thường chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 137tr.; 27cm.

**547.00711 Th300N/LCV.0002537; M.0178026
- M.0178027; MP.0037858**

212. *"Thuyết bức xạ từ thứ cấp bậc 2" - Công nghệ và phương pháp bức xạ từ thứ cấp: Những kết quả điển hình áp*

dụng trong thực tế/ Vũ Văn Bằng. - H.: Viện Công nghệ nước và môi trường, 2010. - 83tr.; 30cm

539.2

Th528B/T.0024543

600 - CÔNG NGHỆ

610 – Y học

213. *Giáo trình Bệnh học chấn thương chỉnh hình:* Dành cho đào tạo trình độ đại học/ *Đồng chủ biên: Nguyễn Tiến Bình, Phạm Đăng Ninh. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 299tr.; 27cm.*

617.100711

Gi-108T/LCV.0002351; M.0177719,

M.0178066

214. *Giáo trình bổn:* Dành cho đào tạo trình độ đại học/ *Nguyễn Gia Tiến chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 281tr.; 27cm.*

617.110711

Gi-108T/LCV.0002511

215. *Bệnh học phụ khoa y học cổ truyền:* Sách chuyên khảo/ *Trần Đăng Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 285tr.; 27cm.*

615.8

B256H/LCV.0002409; M.0178024 -

M.0178025; MP.0037857

216. *Giáo trình Dược lý học:* Dành cho đào tạo trình độ trung cấp quân y/ *Đồng chủ biên: Hồ Văn Thanh, Nguyễn Biên Cương. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 243tr.; 27cm.*

615.10711

Gi-108T/LCV.0002338; M.0178065

217. *Giáo trình sinh lý học*: Dành cho đào tạo trình độ trung cấp quân y/ *Đồng chủ biên: Hồ Văn Thanh, Vũ Văn Thà.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 179tr.; 27cm.

**612.00711 Gi-108T/LCV.0002337; M.0177727
- M.0177728 - M.0177729; MP.0037590 - MP.0037591**

218. *Giáo trình mô học*: Dành cho đào tạo trình độ đại học/ *Quản Hoàng Lâm chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 383tr.; 27cm.

**611.0180711 Gi-108T/LCV.0002513 -
LCV.0002514**

219. *Giáo trình thực tập bào chế*: Dành cho đào tạo dược sĩ trình độ đại học/ *Chủ biên: Vũ Bình Dương, Nguyễn Trọng Diệp.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 107tr.; 27cm.

**619.50711 Gi-108T/LCV.0002398; M.0178053
- M.0178054; MP.0037874**

220. *Sống sót*: Những câu chuyện thoát hiểm và sinh tồn kỳ thú/ *David Long, Kerry Hyndman; Hà Pony dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 185tr.; 21cm.

**613.69 S455S/M.0178132 - M.0178133;
MP.0037926 - MP.0037927**

616 – Bệnh

221. *Đại dương đen*: Những câu chuyện từ thế giới của trầm cảm/ *Đặng Hoàng Giang.* - H.: Hội nhà văn, 2021. - 483tr.; 21cm.

**616.8527 Đ103D/M.0178274 - M.0178275;
VN.0082495 - VN.0082496**

222. *Giáo trình hồi sức cấp cứu*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Đồng chủ biên: Mai Xuân Hiên, Bùi Văn Mạnh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 203tr.; 27cm.

**616.0250711 Gi-108T/LCV.0002525;
M.0177720; MP.0037877 - MP.0037878**

223. *Giáo trình thực hành giải phẫu bệnh*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Trần Ngọc Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 103tr.; 27cm.

**616.070711 Gi-108T/M.0177718, M.0178022;
MP.0037853 - MP.0037854**

224. *Giáo trình triệu chứng và bệnh học thận*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Lê Việt Thắng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - t431r.; 27cm.

616.610711 Gi-108T/LCV.0002524

225. *Phương pháp điều trị trầm cảm*/ Stephen S. Ilardi; Trịnh Dung dịch. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 342tr.; 21cm.

**616.8527 Ph561P/M.0178345 - M.0178346;
MP.0038111 - MP.0038112**

618 – Phụ sản, sản khoa, nhi khoa, lão khoa

226. *Giáo trình Sản phụ khoa*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Nguyễn Thị Minh Tâm chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 371tr.; 27cm.

**618.00711 Gi-108T/LCV.0002523; M.0179122
- M.0179123; MP.0038773 - MP.0038774**

227. *Ứng dụng sinh học phân tử trong sàng lọc và chẩn đoán trước sinh*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Duy Bắc chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 239tr.; 24cm.

**618.2075 U556D/LCV.0002488; M.0178078 -
M.0178079**

228. *Nghiên cứu trẻ tự kỷ ở Hà Nội trong bối cảnh nhận thức và ứng phó của gia đình, xã hội*/ Vũ Hải Vân, *Đầu Tuấn Nam*. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 302tr.; 21cm.

**618.9285882 Ngh305C/M.0177844 - M.0177845;
MP.0037735 - MP.0037736; VN.0082398 - VN.0082399**

620 – Kỹ thuật

229. *Giáo trình hệ thống điều khiển thích nghi*: Dùng cho đào tạo cao học chuyên ngành kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Phạm Văn Nguyên chủ biên, Phạm Trung Dũng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 227tr.; 27cm.

**620.00115 Gi-108T/LCV.0002248; M.0177754
- M.0177755 - M.0177756; MP.0037614 - MP.0037615**

621 – Vật lý học ứng dụng

230. *Đại cương về phương tiện vận tải ô tô*: Dùng cho đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học, chuyên ngành

chỉ huy tham mưu hậu cần, quân nhu, xăng dầu/ *Hán Văn Quy chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 86tr.; 27cm.

621.80711 Đ103C/LCV.0002443; M.0178044

231. Điện chiếu sáng và ắc quy. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 48tr.; 27cm.

621.3 Đ305C/LCV.0002520

232. Động cơ điện. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 27cm.

621.46 Đ455C/LCV.0002521

233. Giáo trình An toàn mạng thông tin: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành điện - điện tử/ *Phạm Khắc Hoan chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 318tr.; 27cm.

**621.3820711 Gi-108T/LCV.0002538,
LCV.0002621; M.0179132 - M.0179133; MP.0037880;
VV.0018570 - VV.0018571**

234. Giáo trình cơ sở kết cấu và tính toán máy tự động: Dành cho đào tạo sĩ quan kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành vũ khí. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 259tr.; 27cm.

**621.800711 Gi-108T/LCV.0002506;
MP.0037327 - MP.0037328; VV.0018351 - VV.0018352**

235. Giáo trình Điện - tử, dao động - sóng: Dành cho đào tạo kỹ sư hệ chính quy/ *Phan Hồng Liên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 412tr.; 27cm.

**621.30711 Gi-108T/LCV.0002556; M.0178040
- M.0178041; MP.0037866**

236. *Giáo trình hệ thống tự động thủy khí:* Dùng cho đào tạo kỹ sư dân sự và quân sự chuyên ngành kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Trương Đăng Khoa chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 285tr.; 27cm.

**621.00711 Gi-108T/LCV.0002251; M.0177724
- M.0177725 - M.0177726; MP.0037588 - MP.0037589**

237. *Giáo trình kỹ thuật truyền số liệu:* Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành điện tử - viễn thông/ *Nguyễn Văn Giáo chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 235tr.; 27cm.

**621.3820711 Gi-108T/LCV.0002543; M.0178061
- M.0178062; MP.0037881**

238. *Giáo trình lý thuyết động cơ tuabin khí:* Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành máy tàu, kỹ sư chuyển loại tuabin khí/ *Nguyễn Trung Kiên chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 258tr.; 27cm.

**621.1650711 Gi-108T/LCV.0002416; M.0178069
- M.0178070**

239. *Giáo trình máy điện đặc biệt công suất nhỏ:* Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành điện tàu, pháo tàu, điện tử y sinh, tự động hóa, điều khiển công nghiệp, cơ điện tử/ *Dương Quốc Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 344tr.; 27cm.

**621.310711 Gi-108T/M.0177751 - M.0177752 -
M.0177753; MP.0037612 - MP.0037613**

240. *Giáo trình tự động hóa thủy khí trong chế tạo máy:* Dùng cho đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí/ *Đoàn Tất Khoa chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 302tr.; 27cm.

621.0711 Gi-108T/LCV.0002255; M.0177742
- M.0177743 - M.0177744; MP.0037606 - MP.0037607

241. *Hướng dẫn đồ án môn học Máy nâng vận chuyển*: Dùng cho đào tạo chuyên ngành xe máy công bình, máy xây dựng/
Lê Văn Dưỡng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 160tr.; 27cm.

621.8 H561D/LCV.0002387; M.0178071 -
M.0178072

242. *Hướng dẫn thí nghiệm kỹ thuật vi xử lý*: Dùng cho đào tạo đại học, cao đẳng và liên thông, văn bằng 2/ *Nguyễn Khoa Sang chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 150tr.; 27cm.

621.391 H561D/LCV.0002427, LCV.0002551;
M.0178073 - M.0178074

243. *Hướng dẫn thực hành thiết kế logic số*: Dùng cho đào tạo đại học, cao đẳng và liên thông, văn bằng 2/ *Trịnh Quang Kiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 177tr.; 27cm.

621.395 H561D/LCV.0002539; M.0178036 -
M.0178037; MP.0037863

244. *Thiết kế anten dùng trong Ra đa*: Dùng cho đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật ra đa - dẫn đường/ *Nguyễn Tuấn Hưng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 311tr.; 27cm.

621.38483 Th308K/LCV.0002253;
MP.0037582 - MP.0037583; VV.0018492 - VV.0018493

623 – Kỹ thuật quân sự và hàng hải

245. Cơ học kết cấu tên lửa: Dùng cho đào tạo sau đại học/ *Vũ Quốc Trụ chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 392tr.; 27cm.

623.451 C460H/LCV.0002444; MP.0037586 - MP.0037587; VV.0018496 - VV.0018497

246. Cơ sở thiết kế đạn cối: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành Đạn và thiết kế chế tạo đạn/ *Trần Đình Thành chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 220tr.; 27cm.

623.45 C460S/MP.0037598 - MP.0037599; VV.0018500 - VV.0018501

247. Giáo trình bảo đảm kỹ thuật tăng thiết giáp trong tác chiến: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành xe tăng/ *Phi Văn Tuấn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 310tr.; 27cm.

623.740711 Gi-108T/LCV.0002542

248. Giáo trình Đo lường thủy âm: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành ra-đa - sonar/ *Trịnh Đăng Khánh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 178tr.; 27cm.

623.73480711 Gi-108T/LCV.0002413; M.0178008 - M.0178009; MP.0036054 - MP.0036055; VV.0017768 - VV.0017769

249. Giáo trình nguyên lý cấu tạo súng pháo phòng không: Dùng cho đào tạo sĩ quan kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Chiến Hạm chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 259tr.; 27cm.

**623.400711 Gi-108T/LCV.0002512;
MP.0037325 - MP.0037326; VV.0018349 - VV.0018350**

250. *Giáo trình thiết kế tính toán hệ thống truyền động thủy lực trên xe máy công binh*: Dùng cho đào tạo trình độ cao học/
Trần Quang Hùng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 327tr.; 27cm.

**623.60711 Gi-108T/M.0177730 - M.0177731 -
M.0177732; MP.0037592 - MP.0037593**

251. *Giáo trình tiếng Việt chuyên ngành đạn*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự nước ngoài/
Nguyễn Thị Thanh Thùy chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 163tr.; 27cm.

**623.450711 Gi-108T/LCV.0002420;
VV.0018572 - VV.0018573**

252. *Hướng dẫn khai thác, sử dụng Ra đa Consilium Selux S-Band*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 100tr.; 27cm.

623.7348 H561D/LCV.0002519

253. *Hướng dẫn khai thác, sử dụng Ra đa Kelvin Hughes S-Band*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 120tr.; 27cm.

623.7348 H561D/LCV.0002515

254. *Hướng dẫn thực hành công nghệ bản đồ số*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành địa tin học, địa hình quân sự/
Nguyễn Thị Thu Nga chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 233tr.; 27cm.

**623.71 H561D/LCV.0002383; M.0178034 -
M.0178035; MP.0037862**

256. Phương pháp tính toán dao động nòng súng pháo: Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học chuyên ngành vũ khí - đạn/ *Nguyễn Duy Phồn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 115tr.; 27cm.

623.42 Ph561P/LCV.0002335; MP.0037594 - MP.0037595; VV.0018498 - VV.0018499

257. Ra đa cải tiến MP-10M - Hướng dẫn khai thác sử dụng: Dùng cho cán bộ và nhân viên kỹ thuật chuyên ngành kỹ thuật ra đa dẫn đường/ *Vũ Chí Thanh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 68tr.; 27cm.

623.7348 R100Đ/LCV.0002449; MP.0037574 - MP.0037575; VV.0018484 - VV.0018485

258. Tính toán thiết kế thân pháo: Dùng cho đào tạo cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Văn Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 447tr.; 27cm.

623.42 T312T/LCV.0002540; MP.0037852; VV.0018560 - VV.0018561

259. Trạm thiết bị mặt đất của tổ hợp tên lửa Uran-E (Thành phần và nguyên lý hoạt động): Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Khoa Sang chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 203tr.; 27cm.

623.510711 Tr104T/LCV.0002397; VV.0018568 - VV.0018569

624 – Kỹ thuật xây dựng dân dụng

260. Bài tập kết cấu bê tông cốt thép: Dùng cho đào tạo kỹ sư các chuyên ngành xây dựng công trình quốc phòng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, cầu đường, sân bay/ *Nguyễn Tiến Tuấn chủ biên, Lê Quang Huy, Thân Thế Hùng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 145tr.; 27cm.

**624.18341 B103T/LCV.0002395; M.0178047 -
M.0178048; MP.0037870**

261. Giáo trình cơ sở trắc địa trong xây dựng công trình: Dùng cho đào tạo kỹ sư các chuyên ngành xây dựng công trình quốc phòng, xây dựng cầu dân dụng, cầu đường, sân bay/ *Lê Minh Hằng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 227tr.; 27cm.

**624.151 Gi-108T/LCV.0002384; M.0178049 -
M.0178050; MP.0037872**

262. Giáo trình Độ tin cậy kết cấu công trình: Dùng cho đào tạo cao học các chuyên ngành xây dựng/ *Bùi Đắc Năng chủ biên, Phan Chí Hiếu.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 262tr.; 27cm.

**624.10711 Gi-108T/LCV.0002414; M.0178018
- M.0178019; MP.0037850**

263. Giáo trình Kết cấu bê tông cốt thép nâng cao: Dùng cho đào tạo sau đại học các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt/ *Vũ Ngọc Quang chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 194tr.; 27cm.

**624.18341 Gi-108T/LCV.0002386;
M.0177721; MP.0037848 - MP.0037849**

264. *Giáo trình Kết cấu nhà cao tầng bê tông cốt thép*: Dùng cho đào tạo sau đại học chuyên ngành kỹ thuật xây dựng/ *Vũ Ngọc Quang chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 195tr.; 27cm.

**624.183410711 Gi-108T/M.0177722, M.0178077;
MP.0037891**

265. *Hướng dẫn bài tập lớn kết cấu thép*: Dùng cho đào tạo kỹ sư các chuyên ngành Xây dựng công trình quốc phòng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, cầu đường, sân bay/ *Đào Công Bình chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 129tr.; 27cm.

**624.1821 H561D/LCV.0002554; M.0178063 -
M.0178064; MP.0037882**

266. *Hướng dẫn đồ án nền móng công trình xây dựng*: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật xây dựng/ *Mai Đắc Nhân chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 160tr.; 27cm.

**624.15 H561D/LCV.0002250; M.0177745 -
M.0177746 - M.0177747; MP.0037608 - MP.0037609**

629 – Ngành khác của kỹ thuật

267. *Chuyên khảo về động lực học robot*: Dùng cho đào tạo sau đại học/ *Chu Anh Mỹ chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 211tr.; 27cm.

**629.892 Ch527K/LCV.0002334; M.0177736 -
M.0177737 - M.0177738; MP.0037600 - MP.0037601**

268. *Giáo trình An toàn lao động và bảo vệ môi trường*

ngành xe máy: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành cơ khí - động lực/ *Nguyễn Minh Tiến chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 221tr.; 27cm.

**629.20711 Gi-108T/LCV.0002552; M.0178038
- M.0178039; MP.0037865**

269. *Giáo trình Các hệ truyền động trong robot:* Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học chuyên ngành cơ điện tử/ *Hoàng Quang Chính chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 302tr.; 27cm.

**629.8920711 Gi-108T/M.0178042 - M.0178043;
MP.0037868**

270. *Giáo trình Cơ sở điều khiển hỏa lực:* Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự các chuyên ngành vũ khí, đạn, khí tài quang học, tăng thiết giáp/ *Trịnh Trung Hiếu chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 210tr.; 27cm.

**629.80711 Gi-108T/LCV.0002555;
MP.0037864; VV.0018562 - VV.0018563**

271. *Giáo trình Cơ sở kỹ thuật hàng không:* Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành xây dựng sân bay/ *Nguyễn Duy Đồng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 218tr.; 27cm.

**629.130711 Gi-108T/LCV.0002544; M.0178028
- M.0178029; MP.0037859**

272. *Giáo trình điều khiển thiết bị bay trên cơ sở nhiều nguồn thông tin:* Dùng cho đào tạo sau đại học ngành kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Phạm Trung Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 160tr.; 27cm.

**629.130711 Gi-108T/LCV.0002249,
LCV.0002343; M.0177748 - M.0177749 - M.0177750;
MP.0037610 - MP.0037611**

273. *Giáo trình hệ thống an toàn và ổn định trên Ô tô*: Dùng cho các đối tượng đào tạo chuyên ngành CNKT ô tô/ *Nguyễn Mạnh Hùng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 135tr.; 27cm.

**629.200711 Gi-108T/LCV.0002522;
MP.0037329 - MP.0037330; VV.0018353 - VV.0018354**

274. *Hệ thống điều khiển bắn trên tàu của tổ hợp tên lửa Uran-E: Thành phần và nguyên lý hoạt động*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí, thiết kế chế tạo tên lửa/ *Nguyễn Anh Tuấn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 125tr.; 27cm.

629.8 H561D/LCV.0002548

650 – Quản lý và dịch vụ

275. *Diamond you - Tôi chọn là Kim cương/ La Khuê*. - H.: Thế giới, 2020. - 222tr.; 20cm.

**650.1 D301Y/M.0178136 - M.0178137;
MP.0037930 - MP.0037931**

276. *Giải pháp phát triển dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh*. - H.: Trường Đại học Thương mại, 2010. - 100tr.; 30cm

658.11 Gi-103P/T.0024554

277. *Internet phù phép Start-up*: Thuật quảng bá kì lạ cho

doanh nghiệp với chi phí 0 đồng/ *Phạm Băng; Phạm Hồng Quân dịch.* - H.: Công thương, 2020. - 510tr.; 21cm.

**658.8 I-312P/M.0178120 - M.0178121;
MP.0037914 - MP.0037915**

278. 600 câu nói bắt hủ về khởi nghiệp, quản trị, điều hành doanh nghiệp của các doanh nhân xuất sắc. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 167tr.; 18cm.

**658.11 S111T/M.0177577 - M.0177578;
MP.0037480 - MP.0037481**

670 – Sản xuất

279. Giáo trình Công nghệ chế tạo phôi: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành công nghệ chế tạo máy/ *Trần Đức Hoàn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 271tr.; 27cm.

**671 Gi-108T/LCV.0002396; M.0178059 -
M.0178060; MP.0037879**

280. Giáo trình tối ưu hóa các quá trình gia công: Dùng cho đào tạo cao học chuyên ngành kỹ thuật cơ khí/ *Nguyễn Trung Thành chủ biên, Đoàn Tất Khoa.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 217tr.; 27cm.

**670.711 Gi-108T/LCV.0002352; M.0177739 -
M.0177740 - M.0177741; MP.0037604 - MP.0037605**

281. Thí nghiệm đúc: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành công nghệ vật liệu/ *Nguyễn Văn Thuận chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 115tr.; 27cm.

**671.2 Th300N/LCV.0002545; M.0178075 -
M.0178076**

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

282. *Các bài tập Gam cơ bản cho kèn Tuba*: Dùng cho đào tạo bậc Trung cấp và Đại học chuyên ngành nhạc công quân nhạc/ *Lê Minh Chiêu biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 144tr.; 27cm.

**788.98 C101B/LCV.0002509; M.0177325 -
M.0177326 - M.0177327; MP.0037198 - MP.0037199**

283. *Cất cao tiếng hát*: = Raise your voice High/ *Akdong Musician; Pún (Thanh Loan) dịch*. - H.: Hà Nội, 2020. - 267tr.; 21cm.

**781.63095159 C124C/M.0178126 - M.0178127;
MP.0037920 - MP.0037921**

284. *Giáo trình kèn Clarinet*: Dùng cho đào tạo bậc Trung cấp chuyên ngành Clarinet/ *Nguyễn Việt Dũng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 164tr.; 27cm.

**787.20711 Gi-108T/LCV.0002510; M.0177319
- M.0177320 - M.0177321; MP.0037194 - MP.0037195**

285. *Giáo trình Thiết kế tổng mặt bằng cảng hàng không, sân bay*: Dùng cho đào tạo chuyên ngành xây dựng sân bay/ *Hoàng Đình Đạm chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 295tr.; 27cm.

**725.390711 Gi-108T/LCV.0002307,
LCV.0002418; M.174150, M.174527; MP.0037844 -
MP.0037845; V.0017366 - V.0017367**

286. *Giáo trình Thực hành biểu diễn Múa*: Dành cho đào tạo diễn viên múa bậc Trung cấp/ *Nguyễn Thị Hiền Trang chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 104tr.; 27cm.

**792.80711 Gi-108T/LCV.0002508; M.0177322
- M.0177323 - M.0177324; MP.0037196 - MP.0037197**

287. *Ngọn lửa xanh*/ Hanyu Yuzuru. - H.: Dân trí, 2020. - 183tr.; 21cm.

T.1

**796.912 Ng429L/M.0178162 - M.0178163;
MP.0037956 - MP.0037957**

T.2: Bay cao. - 266tr.

**796.912 Ng429L/M.0178160 - M.0178161;
MP.0037954 - MP.0037955**

288. *Thuật ngữ âm nhạc Jazz, Rock, Pop*/ Nguyễn Mai Kiên, Đặng Thúy Anh. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 412tr.; 27cm.

780 Th504N/LCV.0002507

800 - VĂN HỌC

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

289. *Chùm nho thịnh nộ*: Tiểu thuyết/ *Jonh Steinbeck; Phạm Văn dịch*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 503tr.; 24cm.

**813.52 Ch511N/M.0178100 - M.0178101;
MP.0037894 - MP.0037895**

**290. Malorie - Hành trình chạy trốn tử thần/ Josh Malerman;
Sơ Tâm dịch. - H.: Hà Nội, 2020. - 389tr.; 21cm.**

**813.6 H107T/M.0178158 - M.0178159;
MP.0037952 - MP.0037953**

**291. Máu và hoa: Cinderella ngoại truyện/ Donnelly Jennifer;
Minh Hưng dịch. - H.: Hà Nội, 2021. - 473tr.; 21cm.**

**813.6 M111V/M.0178112 - M.0178113;
MP.0037906 - MP.0037907**

**292. Những người đàn bà: Tiểu thuyết/ Etaf Rum; Nguyễn
Minh Anh dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 423tr.; 23cm.**

**813.6 Nh556N/M.0178152 - M.0178153;
MP.0037946 - MP.0037947**

**293. Tình yêu cuộc sống = Love of life: Tập truyện ngắn. - H.:
Thanh niên, 2020. - 221tr.; 21cm.**

**813 T312Y/M.0178180 - M.0178181;
MP.0037974 - MP.0037975**

**294. Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine/ Ransom Riggs; Lê
Đình Chi dịch. - H.: Văn học, 2020. - 439tr.; 21cm.**

**813.6 Tr103T/M.0178301 - M.0178302;
MP.0038068 - MP.0038069**

**295. Vườn bướm đêm/ Dot Hutchison; Orkid dịch. - H.: Phụ
nữ Việt Nam, 2021. - 423tr.; 21cm.**

**813.6 V560B/M.0178110 - M.0178111;
MP.0037904 - MP.0037905**

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

296. *Bình minh máu*: Tiểu thuyết/ *Phan Thái*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 271tr.; 19cm.

**895.92234 B312M/M.0178369 - M.0178370;
MP.0038135 - MP.0038136**

297. *Bình minh xanh lam*: Tập truyện ngắn/ *Hoàng Khánh Duy*. - H.: Dân trí, 2021. - 174tr.; 21cm.

**895.92234 B312M/M.0177649 - M.0177650;
MP.0037547 - MP.0037548**

298. *Bóng vàng chớp núi*: Truyện ký/ *Trần Hữu Tông*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 199tr.; 21cm.

**895.9228403 B431V/LC.0015927 - LC.0015928;
M.0178495 - M.0178496; MP.0038232 - MP.0038233**

299. *Cảm nghĩ về văn chương và thời cuộc*: Tiểu luận/ *Hà Minh Đức*. - H.: Văn học, 2020. - 283tr.; 21cm.

**895.92209 C104N/M.0178278; VN.0082497 -
VN.0082498**

300. *Cánh cửa đóng kín*: Tiểu thuyết trinh thám/ *Asami Ishimochi*; *Song Tâm Quyên* dịch. - H.: Thanh niên, 2020. - 290tr.; 21cm.

**895.636 C107C/M.0178357 - M.0178358;
MP.0038123 - MP.0038124**

301. *Chúng ta sống có vui không?*/ Nguyễn Phong Việt. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 219tr.; 20cm.

**895.9228408 Ch513T/M.0178365 - M.0178366;
MP.0038131 - MP.0038132**

302. *Chuyện đời Sương - Nàng dâu Việt ở xứ Hàn*: Tiểu thuyết/ Suh Song Nan; Dịch: Dương Thanh Hoài, Ngô Thị Quỳnh Trang. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 322tr.; 21cm.

**895.735 Ch527Đ/M.0178297 - M.0178298;
MP.0038066 - MP.0038067**

303. *Chuyện kể từ làng sen*/ Chu Trọng Huyền. - H.: Văn học, 2021. - 134tr.; 21cm.

895.922334 Ch527K/M.0177635 - M.0177636

304. *Cổ ven đường*/ Natsume Sokesi; Lam Anh dịch. - H.: Thế giới, 2021. - 377tr.; 21cm.. - (Văn học tinh hoa Nhật Bản)

**895.6342 C400V/M.0178343 - M.0178344;
MP.0038109 - MP.0038110**

305. *Cuộc đời và những trang nhật ký*: Hồi ký/ Thiều Chí Đình. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 199tr.; 21cm.

**895.9228403 C514Đ/LC.0015931 - LC.0015932;
M.0178481 - M.0178482; MP.0038221; VN.0082584 -
VN.0082585**

306. *Cuộc đời xa khuất*: Tiểu thuyết/ Lê Hoài Nam. - H.: Hội nhà văn, 2021. - 363tr.; 21cm.

**895.92234 C514Đ/M.0178276 - M.0178277;
MP.0038048 - MP.0038049**

307. *Cuối mùa lá rụng*: Tập truyện ngắn/ *Mai Linh Lan*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 234tr.; 19cm.

**895.92234 C515M/M.0178381 - M.0178382;
MP.0038147 - MP.0038148**

308. *Dự án chôn dục*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Hiệp*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 217tr.; 21cm.

**895.92234 D550A/M.0178347 - M.0178348;
MP.0038113 - MP.0038114**

309. *Dưới trời xanh không có anh vẫn mỉm cười*/ *Minh Lạc*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 188tr.; 20cm.

**895.9228408 D558T/M.0178184 - M.0178185;
MP.0037978 - MP.0037979**

310. *Để yên cho bác sĩ "hiền"*/ *Ngô Đức Hùng*. - H.: Thế giới, 2021. - 242tr.; 21cm.

**895.9228408 Đ250Y/M.0178318 - M.0178319;
MP.0038074 - MP.0038075**

311. *Đêm bệnh viện*: Tiểu thuyết/ *Phạm Đức Thái Nguyên*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 254tr.; 19cm.

**895.92234 Đ253B/M.0178377 - M.0178378;
MP.0038143 - MP.0038144**

312. *Đi tây*/ *Doan*. - H.: Dân trí, 2019. - 351tr.; 21cm.

**895.92234 Đ300T/M.0178134 - M.0178135;
MP.0037928 - MP.0037929**

313. *Đi theo bóng mặt trời.* - H.: Thanh niên, 2021. - 238tr.; 21cm.

**895.92234 Đ300T/M.0177637 - M.0177638;
MP.0037536 - MP.0037537**

314. *Điều buồn phương Nam:* Tản văn/ *Kim Chi.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 252tr.; 21cm.

**895.9228408 Đ309B/M.0177553 - M.0177554;
MP.0037456 - MP.0037457**

315. *Đong tấm lòng:* Tản văn/ *Nguyễn Ngọc Tư.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 146tr.; 20cm.

**895.9228408 Đ431T/M.0178279 - M.0178280;
MP.0038050 - MP.0038051**

316. *Đôi bàn tay mẹ/ Eros Thái Anh.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 179tr.; 21cm.

**895.92234 Đ452B/M.0178182 - M.0178183;
MP.0037976 - MP.0037977**

317. *Đồng hồ cát/ Nhiêu Tuyết Mạn; Đỗ Mai Dung dịch.* - H.: Thanh niên, 2020; 21cm.

T.1. - 414tr.
**895.136 Đ455H/M.0178156 - M.0178157;
MP.0037950 - MP.0037951**

T.2. - 406tr.
**895.136 Đ455H/M.0178154 - M.0178155;
MP.0037948 - MP.0037949**

318. *Đừng buồn khi hoàng hôn buông*/ Ngô An Kha. - H.: Văn học, 2020. - 191tr.; 21cm.

**895.9228408 Đ556B/M.0178172 - M.0178173;
MP.0037966 - MP.0037967**

319. *Đừng nhớ nhầm ai, đừng yêu sai người*/ Phương Ny. - H.: Văn học, 2020. - 192tr.; 21cm.

**895.9228408 Đ556N/M.0178174 - M.0178175;
MP.0037968 - MP.0037969**

320. *Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển - Cung đường bất tử*: Ký. - H.: Hội nhà văn, 2021; 19cm.

**T.1. - 283tr.
895.9228403 Đ561M/M.0177661 - M.0177662;
MP.0037552; VN.0082222 - VN.0082223**

**T.2. - 287tr.
895.9228403 Đ561M/M.0177663 - M.0177664;
MP.0037553; VN.0082224 - VN.0082225**

321. *Em đâu muốn làm "Tuesday"*: Tập truyện ngắn/ Lưu Quang Minh. - H.: Thế giới, 2021. - 199tr.; 21cm.

**895.92234 E202Đ/M.0178355 - M.0178356;
MP.0038121 - MP.0038122**

322. *Go home: Xách ba lô lên, có ai đó chờ ta ở nhà?*/ Eros Thái Anh. - H.: Hồng Đức, 2020. - 177tr.; 21cm.

**895.9228408 G400H/M.0178168 - M.0178169;
MP.0037962 - MP.0037963**

323. *Gửi trăng về núi*: Tập truyện ngắn/ *Hoàng Thị Hiền*. - H.: Thanh niên, 2021. - 247tr.; 19cm.

**895.92234 G553T/M.0178192 - M.0178193;
MP.0037986 - MP.0037987**

324. *Hà Nội bảo thế là thường*: Tản văn/ *Nguyễn Trương Quý*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 268tr.; 21cm.

**895.9228408 H100N/M.0178299 - M.0178300;
VN.0082501 - VN.0082502**

325. *Hà Nội đến... và thấy*: Tập tản văn/ *Ngô Vĩnh Bình*. - H.: Hà Nội, 2021. - 238tr.; 19cm.

**895.9228408 H100N/M.0178379 - M.0178380;
MP.0038145 - MP.0038146**

326. *Hào khí Trường Sơn - Yên Bái*: Tập ký. - H.: Hội nhà văn, 2019. - 256tr.; 21cm.

895.9228034 H108K/M.0177933

327. *Hãy chăm sóc mẹ*/ *Shin Kyung Sook*; Ng.dịch: *Lê Hiệp Lâm, Lê Nguyễn Lê*. - H.: Hà Nội, 2021. - 323tr.; 21cm.

**895.7 H112C/M.0178316 - M.0178317;
MP.0038072 - MP.0038073**

328. *Hẹn nhau phía sau tan vôi*/ *An*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 228tr.; 20cm.

**895.9228408 H203N/M.0178176 - M.0178177;
MP.0037970 - MP.0037971**

329. *Hiện tại kiên trì, tương lai kiên cố/ aT.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 267tr.; 20cm.

**895.9228408 H305T/M.0178363 - M.0178364;
MP.0038129 - MP.0038130**

330. *Hương đời: Thơ/ Phạm Văn Tốt, Vũ Nhân, Phạm Xuân Đào.* - H.: Hội nhà văn, 2021. - 239tr.; 19cm.

**895.92214 H561Đ/M.0178383 - M.0178384;
MP.0038149 - MP.0038150**

331. *Khế tử: Tiểu thuyết/ Dịch Tu La; Mỹ Tịch dịch.* - H.: Hà Nội, 2021; 21cm.

T.1. - 367tr.
**895.136 Kh250T/M.0178108 - M.0178109;
MP.0037902 - MP.0037903**

T.2. - 383tr.
**895.136 Kh250T/M.0178106 - M.0178107;
MP.0037900 - MP.0037901**

332. *Khoảnh khắc của chiến tranh: Tiểu thuyết/ Đỗ Kim Cuông.* - H.: Thanh niên, 2021. - 279tr.; 19cm.

**895.92234 Kh408K/M.0178188 - M.0178189;
MP.0037982 - MP.0037983**

333. *Kiều bào với Trường Sa: Truyện ký/ Hiệu Constant.* - H.: Dân trí, 2020. - 166tr.; 21cm.

**895.9228403 K309B/M.0178359 - M.0178360;
MP.0038125 - MP.0038126**

334. *Ký ức Sư đoàn 471 Anh hùng.* - H.: Thanh niên, 2020. - 426tr.; 21cm.

895.9228034

K600U/VN.0080966

335. *Lê hấp đường phèn/ Tửu Tiểu Thất; Thủy An dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020; 21cm.

T.1. - 480tr.

895.136

L250H/M.0178118 - M.0178119;

MP.0037912 - MP.0037913

T.2. - 402tr.

895.136

L250H/M.0178116 - M.0178117;

MP.0037910 - MP.0037911

336. *Lửa hoang:* Truyện ngắn/ *Nông Văn Kim.* - H.: Thanh niên, 2021. - 226tr.; 19cm.

895.92234

L551H/M.0178375 - M.0178376;

MP.0038141 - MP.0038142

337. *Mây trắng Trường Sơn:* Văn và thơ. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 383tr.; 21cm.

895.92234

M126T/M.0177932

338. *Mousse - Đánh thức miền yêu/ Ưc Cẩm; Thiện Thanh dịch.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 588tr.; 21cm.

895.136

M435Đ/M.0178102 - M.0178103;

MP.0037896 - MP.0037897

339. *Mộc miên:* Tập truyện, ký và tản văn/ *Nguyễn Thành.* - H.: Hội nhà văn, 2021. - 118tr.; 21cm.

**895.9228403 M451M/M.0178353 - M.0178354;
MP.0038119 - MP.0038120**

340. *Một mình*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Thanh Hương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 200tr.; 21cm.

**895.92234 M458M/LC.0015925 - LC.0015926;
M.0178479 - M.0178480; MP.0038217 - MP.0038218**

341. *Mùa sen trắng*: Tập truyện ngắn/ *Phan Đức Lộc*. - H.: Dân trí, 2020. - 163tr.; 21cm.

**895.92234 M501S/M.0178178 - M.0178179;
MP.0037972 - MP.0037973**

342. *Nam thiên chí dị*: Truyện dị thường/ *Kỳ Hương*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 391tr.; 21cm.

**895.92234 N104T/M.0177555 - M.0177556;
MP.0037458 - MP.0037459**

343. *Nếu vui vẻ khó quá, chỉ mong cậu bình yên*: *Lạc Yên*. - H.: Thế giới, 2021. - 199tr.; 17cm.

**895.9228408 N259V/M.0178150 - M.0178151;
MP.0037944 - MP.0037945**

344. *Ngày mai có một bắt đầu*: *Trxx*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 198tr.; 20cm.

**895.92234 Ng112M/M.0178186 - M.0178187;
MP.0037980 - MP.0037981**

345. *Ngọn đèn không tắt*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Ngọc Tư*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2019. - 63tr.; 20cm.

**895.92234 Ng429Đ/M.0178281 - M.0178282;
MP.0038052 - MP.0038053**

346. *Ngược mặt trời*: Tiểu thuyết rời rạc/ *Nguyễn Một*. - H.: Phụ nữ, 2019. - 227tr.; 21cm.

**895.92234 Ng557M/M.0178295 - M.0178296;
MP.0038064 - MP.0038065**

347. *Người chiến sĩ ấy*. - H.: Thanh niên, 2020. - 200tr.; 21cm.

895.9228034 Ng558C/M.0177939

348. *Nhớ mãi không quên*: Tiểu thuyết/ *Mạc Bảo Phi Bảo; Mạc Dương Minh Khuê dịch*. - H.: Thanh niên, 2021. - 215tr.; 19cm.

**895.136 Nh460M/M.0178385 - M.0178386;
MP.0038151 - MP.0038152**

349. *Những mùa xuân đã qua*: Tập truyện ngắn/ *Trình Nguyễn*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 223tr.; 19cm.

**895.92234 Nh556M/M.0178371 - M.0178372;
MP.0038137 - MP.0038138**

350. *Những ngày mai đến không có cậu kề bên*: *Inujun; Phương Dung dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 255tr.; 18cm.

**895.636 Nh556N/M.0178391 - M.0178392;
MP.0038157 - MP.0038158**

351. *Những người phát cờ hồng*: Bút ký/ *Phạm Vân Anh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 199tr.; 21cm.

**895.9228403 Nh556N/LC.0015950 - LC.0015951;
M.0178332 - M.0178333; MP.0038092 - MP.0038093**

352. *Nỗi buồn chiến tranh*: Tiểu thuyết/ *Bảo Ninh*. - In lần thứ 16. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 347tr.; 20cm.

**895.92234 N452B/M.0178283 - M.0178284;
VN.0082499 - VN.0082500**

353. *Phận người miền biên ải*: Tiểu thuyết/ *Nông Quốc Lập*. - H.: Dân trí, 2021. - 227tr.; 21cm.

**895.92234 Ph121N/M.0177659 - M.0177660;
MP.0037550 - MP.0037551**

354. *Phù thủy thế hệ Satori*/ *Fujimaru*; *Khánh Việt dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 423tr.; 18cm.

**895.363 Ph500T/M.0178389 - M.0178390;
MP.0038155 - MP.0038156**

355. *Quên một người là chuyện của thời gian*/ *A Tồn*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 213tr.; 20cm.

**895.9228408 Qu254M/M.0178140 - M.0178141;
MP.0037934 - MP.0037935**

356. *Sao tình đầu chẳng mãi dài lâu?*/ *Phan Hải Anh*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 206tr.; 20cm.

**895.92234 S108T/M.0178367 - M.0178368;
MP.0038133 - MP.0038134**

357. *Siêu phi đội "5M"*: Những cuộc phiêu lưu, thám hiểm cùng tám bản đồ bay siêu tốc/ *Lê Đắc Hoàng Hựu*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020; 20cm.

T.1. - 123tr.

**895.9223 S309P/M.0177573 - M.0177574;
MP.0037476 - MP.0037477**

T.2. - 140tr.

**895.9223 S309P/M.0177571 - M.0177572;
MP.0037474 - MP.0037475**

358. *Sóng Trường Sa*: Ký/ Mạnh Thắng, Mai Thắng. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 199tr.; 21cm.

**895.9228403 S431T/LC.0015923 - LC.0015924;
M.0178491 - M.0178492; MP.0038228 - MP.0038229**

359. *Sóng vỗ từ ký ức*: Tập bút ký/ Đào Ngọc Vinh. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 198tr.; 21cm.

**895.9228403 S431V/LC.0015938 - LC.0015939;
M.0178493 - M.0178494; MP.0038230 - MP.0038231**

360. *Tám ngày định mệnh*: Tiểu thuyết/ Phạm Thành Long. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 247tr.; 21cm.

895.92234 T104N/M.0177938

361. *Tay chơi*: Tản văn/ Mai Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 359tr.; 20cm.

**895.9228408 T112C/M.0178314 - M.0178315;
MP.0038070 - MP.0038071**

362. *Thế giới đầy khoảng trống*: liyo Sakura; Kam Tròn dịch. - H.: Thế giới, 2021. - 287tr.; 18cm.

**895.636 Th250G/M.0178198 - M.0178199;
MP.0037992 - MP.0037993**

363. *Thì thầm mưa xuân*: Tản văn/ *Thanh Xuân*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 239tr.; 19cm.

**895.9228408 Th300T/M.0178190 - M.0178191;
MP.0037984 - MP.0037985**

364. *Thời xuân sắc*: Hồi ký/ *Huệ Ninh*. - H.: Thế giới, 2020. - 319tr.; 21cm.

**895.9228403 Th462X/M.0178170 - M.0178171;
MP.0037964 - MP.0037965**

365. *Thư gửi Mina*: Tiểu thuyết/ *Thuận*. - H.: Phụ nữ, 2021. - 355tr.; 21cm.

**895.92234 Th550G/M.0178287 - M.0178288;
MP.0038056 - MP.0038057**

366. *Tổ thích cậu hơn cả Harvard/ Lan Rùa*. - H.: Phụ nữ, 2019. - 364tr.; 21cm.

**895.92234 T460T/M.0178104 - M.0178105;
MP.0037898 - MP.0037899**

367. *Trọn một kiếp đời với sự an nhiên*/ Donald Hall; Phi Yến dịch. - H.: Dân trí, 2020. - 239tr.; 19cm.

**895.9228408 Tr429M/M.0178148 - M.0178149;
MP.0037942 - MP.0037943**

368. *Trong lòng tuyết giấu một ngày xuân*/ Vương Thu Trân; Từ Bích Diệp dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 295tr.; 21cm.

**895.136 Tr431L/M.0178166 - M.0178167;
MP.0037960 - MP.0037961**

369. *Trong rừng nho*: Dã sử Hồ Xuân Hương/ *Ngô Tất Tố*. - H.: Văn học, 2021. - 198tr.; 21cm.

895.92233

Tr431R/M.0177627 - M.0177628

370. *Trở về*: Tập ký/ *Phạm Hồng Loan*. - H.: Thanh niên, 2020. - 224tr.; 21cm.

895.9228403

Tr460V/M.0177936

371. *Truyện Trường Sơn - Người Trường Sơn*: Truyện và ký/ *Phạm Thành Long*. - H.: Thanh niên, 2020. - 180tr.; 21cm.

895.92234

Tr527T/M.0177937

372. *Về miền xa lắc*: Tập truyện ngắn/ *Cao Thanh Mai*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 198tr.; 21cm.

895.92234

V250M/LC.0015948 - LC.0015949;

M.0178483 - M.0178484; MP.0038222 - MP.0038223

373. *Vũ Trung tùy bút*: *Phạm Đình Hồ; Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến dịch*. - H.: Văn hóa dân tộc, 2019. - 251tr.; 21cm.

895.9228203

V500T/M.0178285 - M.0178286;

MP.0038054 - MP.0038055

374. *Xin được bên em thêm lần nữa*: *Atsushi Matsuhisa; Vương Hải Yến dịch*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 199tr.; 21cm.

895.636

X311Đ/M.0178130 - M.0178131;

MP.0037924 - MP.0037925

375. *Yêu anh phí cả em ra*: *Kim Seyeoung; Sun Tzo dịch*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 269tr.; 13cm.

895.78508 Y606A/M.0178395 - M.0178396;
MP.0038161 - MP.0038162

900 – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

940 – Lịch sử châu Âu

376. *Nghiên cứu châu Âu ở Việt Nam: Chặng đường 20 năm và triển vọng*: Hội thảo khoa học quốc tế. - H.: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2013. - 147tr.; 30cm

940 Ngh305C/T.0024530

377. *V. Putin - Sự lựa chọn lịch sử của nước Nga*: Sách tham khảo/ Lê Thế Mậu. - H.: Chính trị Quốc gia sự thật, 2021. - 310tr.; 21cm.

947.0862092 V000P/M.0177639 - M.0177640;
MP.0037538; VN.0082214 - VN.0082215

950 – Lịch sử châu Á

377. *Bên dòng Thạch Hãn mùa hè 1972*: Truyện ký/ Mã Thiện Đồng. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 251tr.; 21cm.

959.7043 B254D/LC.0015940 - LC.0015941;
M.0178467 - M.0178468; MP.0038213; VN.0082574 -
VN.0082575

378. *Các nhân vật lịch sử trong cuộc khởi nghĩa Hà Nội 1908*: Hà Thành đầu độc/ Vũ Thanh Sơn sưu tầm, biên soạn. - H.: Văn học, 2021. - 285tr.; 19cm.

959.7310099 C101N/M.0177669 - M.0177670;
MP.0037556 - MP.0037557

379. *Các quốc gia cổ đại Đông Nam Á (Từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X)/ Ngô Văn Doanh.* - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2011. - 318tr.; 30cm

959 C101Q/T.0024487

380. *Chiến tranh du kích vùng đồng bằng Bắc Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)/ Lê Thanh Bài.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 199tr.; 21cm.

959.7041 Ch305T/LC.0015944 - LC.0015945;
M.0178475 - M.0178476; MP.0038214; VN.0082576 -
VN.0082577

381. *Chuyện quanh quanh Dâm Đàm:* Khảo cứu/ *Nguyễn Ngọc Tiến.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2019. - 409tr.; 20cm..
- (ĐTTS ghi: Hà Nội trong mắt một người)

959.731 Ch527Q/M.0178313; VN.0082523 -
VN.0082524

382. *Có một Hồ Chí Minh như thế trong mắt bạn bè quốc tế.*
- H.: Thanh niên, 2021. - 191tr.; 21cm.

959.704092 C400M/M.0177631 - M.0177632;
MP.0037532 - MP.0037533

383. *Danh tướng Việt Nam trong lịch sử/ Đỗ Đức Hùng.* - H.: Văn học, 2021; 21cm.

T.1. - 209tr.
959.70099 D107T/M.0177653 - M.0177654;
VN.0082216 - VN.0082217

T.2. - 223tr.
959.70099 D107T/M.0177655 - M.0177656;
VN.0082218 - VN.0082219

T.3. - 199tr.
959.70099 D107T/M.0177657 - M.0177658;
VN.0082220 - VN.0082221

384. Dân quân du kích Lào trong chống "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ (1964 - 1968)/ Chu Văn Lộc, Lê Thanh Hải. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 200tr.; 21cm.
959.4041 D121Q/LC.0015827 - LC.0015828;
M.0178497 - M.0178498; MP.0038234; VN.0082590 -
VN.0082591

385. Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại: Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2003. - 325tr.; 30cm
959 Đ455A/T.0024513

386. Đông Nam Á trong thời kỳ phát triển và suy yếu của các nhà nước phong kiến (Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX)/ Vũ Quang Thiện. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2011. - 508tr.; 30cm
959 Đ455N/T.0024484

387. Góc bút nghiên vận chiến bào. - H.: Thanh niên, 2021. - 180tr.; 21cm.
959.70099 G101B/M.0177641 - M.0177642;
MP.0037539 - MP.0037540

388. *Kể chuyện các vị tổ nghề trong lịch sử/ Trung Kiên.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 172tr.; 21cm.

**959.7092 K250C/M.0177647 - M.0177648;
MP.0037545 - MP.0037546**

389. *Kể chuyện thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử/ Trung Kiên.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 227tr.; 21cm.

**959.7092 K250C/M.0177643 - M.0177644;
MP.0037541 - MP.0037542**

390. *Lính Trường Sơn - Ký ức chiến tranh.* - Bắc Ninh, 2019. - 603tr.; 24cm.

959.70433 L312T/M.0177931

391. *Một số công ước, hiệp ước, hiệp định, tuyên bố...có liên quan.* - H., 2020. - 160tr.; 30cm

959.7 M458S/T.0024518

392. *Một số trận đánh của Lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước/ Trương Xuân Lai chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 279tr.; 21cm.

**959.704 M458S/LC.0015919 - LC.0015920;
M.0178471 - M.0178472; MP.0038203; VN.0082564 -
VN.0082565**

393. *Những đóng góp của Phạm Văn Đồng đối với văn hóa Việt Nam:* Luận văn thạc sĩ Văn hóa học: 60130640/ *Phạm Quốc Dân.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 103tr.; 30cm + + Phụ lục

959.704092

Nh556Đ/LV.00009855

394. *Nữ chúa Việt Nam trong lịch sử/ Đỗ Đức Hùng. - H.: Văn học, 2021; 21cm.*

T.1. - 195tr.

959.70099

N550C/M.0177625 - M.0177626

T.2. - 199tr.

959.70099

N550C/M.0177623 - M.0177624

395. *Sự đóng góp của cộng đồng dân tộc Khmer Tây Nam Bộ trong công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2016: Luận văn thạc sĩ Lịch sử phong trào công sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc: 60220312/ Lâm Thị Thanh Nga. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục*

959.70442

S550Đ/LV.00009844

396. *Thanh niên xung phong Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước/ Chủ biên: Nguyễn Duy Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - H.: Thông tin và truyền thông, 2014. - 499tr.; 24cm.*

959.7043

Th107N/VV.0017926

397. *Tình bạn lớn của Bác Hồ với những người bạn quốc tế. - H.: Thanh niên, 2021. - 191tr.; 21cm.*

959.704092

T312B/M.0177633 - M.0177634;

MP.0037534 - MP.0037535

398. *Tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước của Triều Nguyễn ở Nam Bộ: Luận văn thạc sĩ Chính trị học: 62310201/*

Nguyễn Thế Anh. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

959.7029

T450C/LV.00009866

399. *Tổ Hữu - Tiểu sử.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 375tr.; 21cm.

959.704092

T450H/VN.0081401

400. *Truyện về các sứ thần/ Trung Kiên.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 220tr.; 21cm.

959.7092

Tr527V/M.0177645 - M.0177646;

MP.0037543 - MP.0037544

401. *Trường Sơn 60 năm nhớ lại/ Trần Văn Dụ chủ biên.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 288tr.; 21cm.

959.7043

Tr561S/VN.0082559

PHẦN II: ĐIỀM SÁCH

1. Vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay/ Lưu Thúy Hồng chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 331tr.; 21cm.

327 V121Đ/M.0178657 - M.0178658; MP.0038384; VN.0082662 - VN.0082663

Ngày nay, cùng với sự phát triển của thời đại, bên cạnh những mối đe dọa thuộc lĩnh vực an ninh truyền thống đã xuất hiện nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực an ninh phi truyền thống đe dọa đến an ninh con người và an ninh quốc gia như: Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng bố, buôn bán ma túy, di cư xuyên biên giới, tội phạm công nghệ cao...

Cuốn sách ***Vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay*** gồm 4 chương, đi sâu nghiên cứu một số vấn đề an ninh phi truyền thống trên cơ sở khoa học và thực tiễn qua 3 phương pháp tiếp cận: Cấp độ cá nhân, cấp độ quốc gia và cấp độ hệ thống, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm ứng phó với những tác động của các yếu tố an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay.

Chương I: Cơ sở lý luận và cách tiếp cận phân tích vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế.

Chương II: Tác động của các vấn đề an ninh phi truyền thống đến quan hệ quốc tế.

Chương III: Hướng giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay.

Chương IV: Phân tích trường hợp khu vực Đông Nam Á và Việt Nam.

2. Tình báo, gián điệp - Các tổ chức tình báo hàng đầu thế giới: Sách tham khảo/ Nguyễn Tri Tôn biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 200tr.; 21cm.

327.1206

T312B/LC.0016063 - LC.0016064

Tình báo là một trong những hoạt động cổ xưa nhất của xã hội loài người, là một công cụ không thể thiếu trong lãnh đạo đất nước, tổ chức ngoại giao hay tiến hành chiến tranh của các nhà cầm quyền thế giới.

Cuốn sách “*Tình báo, gián điệp - Các tổ chức tình báo hàng đầu thế giới*” khái quát về một số tổ chức tình báo hàng đầu thế giới hiện nay như: FSB, CIA, SIS... Giới thiệu về lịch sử ra đời, quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức... cũng như một số vụ án và chiến dịch tiêu biểu của những tổ chức tình báo này.

MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	3
PHẦN I	DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI	4
000 -	Tổng quát	4
100 -	Triết học và tâm lý học.....	4
200 -	Tôn giáo.....	9
300 -	Khoa học xã hội.....	10
350 -	Hành chính và quân sự.....	34
500 -	Khoa học tự nhiên và toán học.....	48
600 -	Công nghệ.....	50
700 -	Nghệ thuật và giải trí.....	65
800 -	Văn học.....	66
900 -	Lịch sử và địa lý.....	82
PHẦN II	ĐIỂM SÁCH.....	88
1.	Vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay	88
2.	Tình báo, gián điệp - Các tổ chức tình báo hàng đầu thế giới ...	89